

TRITÂN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HÀNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Mong chính phủ Đông-dương và Triều-dinh
Huế hàng năm đặt những giải thưởng
văn-chương và khoa-học

Phạm mạnh-Phan

Thành Đồ-bản

Bùi văn-Lăng

Một người Pháp làm vua xứ mọi (II)

Liên-Giang

Phê-bình « Một nền giáo-dục Việt-nam mới »

Hội-thống Vũ văn-Lợi

Chinh-chiến

Minh-Tuyền

Một nhà đạo-sĩ

Vũ văn-Lễ

Nguyễn-Hoàng-Đức (II)

Nguyễn-Triệu

Văn-chương của R. Tagore

Nhân-Nghĩa

Ba-tư trên bàn cờ quốc-tế

Nhật-Nham

Bà Quận Mỹ (XI)

Chu-Thiên

Cách gửi thư và đệ công văn của ta
ngày xưa

Tiên-Đàm

Tạp trở, Mảnh sứ - liệu, vân vân

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5\$50 — 6 tháng 2\$80 — 3 tháng 1\$50

Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Cần khuyến khích những nhà văn có thực tài

Mong Chính-phủ Đông-dương và Triều - đình Huế hằng năm đặt những giải thưởng văn-chương và khoa-học

Phạm-mạnh-Phan

Ở TRÊN mặt tờ tạp - chí này, tôi đã bằng tay lột mặt nạ những con chiên ghẻ trong làng văn và những đồng-phạm của chúng. Tôi đã nói tới những dã-tâm chúng, những mánh-lời xảo-quyệt mà chúng đã dùng và những ảnh-hưởng tai hại của những đứa con tinh-thần của chúng trong xã-hội Việt-nam.

Một liên-tưởng chính đáng làm cho tôi nghĩ tới những nhà văn có thực tài nhưng vì ít người biết tới, ít người sẵn tâm khuyến-khích, mà phải đang sống im lìm trong bóng tối, trong cảnh cô đơn nghèo nàn !

Nếu ai để mắt tới sự vật lộn của họ với đời thực-tế, tất phải động lòng trắc-ân mà bùi ngùi cho số phận nhà văn : luôn luôn phải vất vả chất óc ném tung lên mặt giấy mà cũng không đủ nuôi sống thân mình trước sự nhu-cầu của cuộc sống hằng ngày.

Họ sống làm sao được nếu trên trường văn còn có một lũ người dã-man vô tài, manh tâm vì danh, vì lợi dắt nghề văn, nghề báo đi tới con đường bại hoại dón hèn.

Họ sống làm sao được nếu những tác-phẩm của họ xuất-bản bị những sách khileu-dâm cạnh-tranh kịch liệt, bị ném xó ở góc các cửa hàng trong khi những sách nhằm khác có hại mà bán chạy bay !

Họ sống làm sao được nếu cái

nghề viết văn của họ, nó có tính cách cao quý và có can hệ tới cuộc thịnh suy của đất nước, lại bị một số đông người đối với họ thờ-ơ, lãnh-đạm, không tỏ chút cảm - tình, không một miễn khuyến-khích.

Tôi không hiểu sao cái gì ở đất nước người được trọng vọng, được nâng đỡ, được săn-sóc một cách đáng cảm-động thì ở đây, trái hẳn lại, bị rẻ rúng, coi thường và có khi khinh miệt là khác nữa. Hay cái đất nước này không đáng hưởng những cái hay của nền văn-minh Âu Mỹ nên mới xui khiến lòng người làm vậy !

Ở ngoại-quốc, người ta tôn thờ nghề cầm bút, người ta kính nể và luôn luôn giúp đỡ những nhà văn chân chính trong bước nghèo đói hoặc trong những giờ quẩn-bách.

Người ta tìm hết cách khuyến-khích họ. Người ta không hề tìm kế bóc lột họ bằng những sự xem báo trộm, xem sách mượn mà không muốn mất tiền mua.

Những giải thưởng của các bậc phủ hào, của các ân-nhân trong văn giới giàu lòng nghĩa-hiệp thấy nhan nhản trên các báo.

Các nhà văn ngoại-quốc đó, một số đông sống trong sự thanh thoi dư dật, ít khi phải vò đầu vì cuộc sống hằng ngày, ít khi phải mủi lòng ly dị với nghề văn để ôm một nghề khác mà hòng đủ sống.

Không những thế, lắm người

lại có bạc vụn như Dekobra, Gide, Maurois cùng nhiều nhà văn khác nữa, du lịch đó đây, khắp năm châu đã từng đặt bước, để quan sát, để viết sách đem hiến cho gió bốn phương mà làm việc cho nền tư-tưởng học-thuật chung.

Nhìn lại quang cảnh nước nhà, thấy vẻ hiu quạnh buồn tanh của đồng-bào đối với những nhà văn chân - chính, những người dấn lạc - quan đến dân, cũng phải lắc đầu mà than phiền.

Một số đông những người sống trên núi tiền bề bạc thì chỉ biết vầy vùng ngụp lặn trong ao tù trưởng-giả. Họ sống bo bo ích kỷ, không thiết tới một việc gì có ích chung. Đối với họ chỉ có tiền là hơn cả. Đứng đợi ở họ những sự khuyến-khích về vật-chất.

Nếu dư tiền thì sẵn có bộ óc đồn hèn ngu xuẩn, họ lạy lục hết nơi này cửa khác, vớt bạc nghìn để chạy chọt lấy chút hư-vinh.

Đối với họ, nghề viết văn, viết báo là một nghề kỳ quặc ! Một nhà văn lâm trong bước khốn cùng đừng hòng họ đủ lòng đoái thương, ra tay giúp đỡ ! Tâm đồn họ khô ráo khắc khổ, chỉ biết nô lệ đồng tiền, không bao giờ lại còn biết rung-động trước một cảnh thương-tâm.

Biết bao nhà văn tận tụy với thiên-chức, hy sinh cho nghệ-thuật, dốc lòng theo đuổi tiếng gọi của tài năng mà tôn thờ nghề

cầm bút một cách quả cảm, phải sống trong thiếu thốn, trong bệnh tật!

Họ đã qua những chuỗi ngày buồn tẻ, đã làm mồi cho những vi trùng lao độc ác ăn mòn phổi họ, đục ruỗng óc họ một cách đáng thương: Thi-sĩ Mai-Nhạc Đ. ăn-tư Thuật đã chết trong cảnh nghèo túng khốn khó! Thi-sĩ Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu, lúc sinh-thời, đã là bạn thân của ma Nghèo, lúc lìa trần, để gia-dình nheo nhóc trong cảnh bần hàn với những mụn con thơ côi cút! Nhà phóng-sự trẻ tuổi Vũ-trọng-Phụng trong bao tháng bị trùng lao hành hạ, lúc chết đi để lại một mẹ già, một vợ góa, một mụn con thơ không người nương tựa, không đồng xu nhỏ với những bàn tay trắng giữa cuộc xô đẩy của lớp sóng đời!

Đó mới là những tỉ-dụ trong muôn một. Kể hết ra đây sợ làm mỏi lòng các độc-giả sẵn mỏi từ tâm mà chán lòng ái-ngại cho những nhà văn xấu số đó.

Xuốt đời hy-sinh cho nghệ-thuật, cho tư-tưởng giới nước nhà, tôn thờ sự cao quý, nhắm theo ba quan điểm « chân, thiện, mỹ » mà lần sống hết năm ấy qua năm khác để được nhận lấy những phần thưởng ác nghiệt là những sự thờ-ơ bội bạc và những nỗi túng kiết chua cay!

Nghề viết văn, viết báo ở đất nước này, một nước vẫn mang tiếng là văn-hiến, một dân vẫn mang tiếng là hiếu học, quả là một nghề bội bạc đúng với lời than: « Vốc hạt giống ném tung ra trước gió, phụ bạc thay, cái nghề cầm bút chỉ sẵn công gieo! »

Cái tình-trạng hiện-thời ấy của một số nhà văn không thể cứ thế kéo dài mãi được. Nó cần phải bồi đắp lại, tu sửa lại để

đem thêm chút ánh sáng êm dịu cho những văn-nhân đáng được mọi người chú ý.

Phải phá tan làn không-khí nặng nề đang bao bọc họ. Phải dắt họ ra ngoài chốn âm-u đêm tối để họ có đủ tài, đủ lực mà làm việc cho văn nghệ.

Họ là những người đáng được hưởng hơn ai hết sự dãi-dào về đời sống hằng ngày để có đủ thời giờ mà theo đuổi cái nghề « con lằm rút ruột ». Óc họ bao giờ cũng phải được thanh thoi dừng bận-rộn tới những sự nhỏ nhen của đời sinh sống để nghĩ tới những cái cao-siêu của nghệ thuật đừng phải lẩn lóc vật lộn với đồng tiền để được thư thái tâm thần, phụng sự ngòi bút, lương tâm và lẽ phải. Linh-hồn họ đáng được hưởng sự nâng-dỡ, thiên tài họ đáng được khuyến khích một cách chân thành.

Trông vào ai? Lẽ dĩ nhiên không thể trông vào hạng trưởng giả ô-trọc mà tôi đã sơ phác trên kia. Chúng ta hãy mặc hạng « dĩ-nhân » đó sống những ngày « lợn-ý ». Phải trông cậy ở những người khác.

Ở các hội học? Thì phỏng có được là bao, vì chính quỹ các hội cũng nghèo: Hội Trí-tri hằng

năm đặt những giải thưởng con con chỉ đủ làm một cuộc tiêu-khiển nhỏ nhặt. Hội Khai-trí mới đóng đã hằng năm sẽ đặt giải thưởng lớn về tiểu-thuyết, nhưng « Hàn-lâm viện » đó mới nói chưa làm.

Trông vào các văn đoàn? Thì họ có giàu gì: một vài nhóm đã chịu hy-sinh để đặt các giải thưởng, nhưng ta không nên đòi cái gì quá sức họ.

Tôi tưởng chỉ còn có cách duy-nhất là trông vào các nhà đương đạo: tôi thiết tha yêu cầu Chánh-phủ Đông-dương và Triều-dinh Huế từ nay, hằng năm, đặt ra những giải thưởng lớn độ vài nghìn đồng về văn-học và khoa-học để khuyến-khích các thanh-niên chăm theo nghề cầm bút, để tìm tới các nhà văn chân-chính và các nhân-tài mới chớm nở trong các tầng lớp của xã-hội Việt-nam.

Bao giờ sự khuyến-khích đó được thực-hiện, thì các nhà văn hằng năm mới ganh nhau đem hết tài lực làm việc cho nền văn-hóa, vì óc họ sẽ không bận rộn tới những sự thực phiến-phức nhỏ-nhen của đời sinh sống.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Phòng thăm bệnh của

BÁC-SĨ

Nguyễn-hữu-Phiêm

*Chef de clinique des maladies cutanées
et Syphilitiques à l'École de Médecine*

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da,
và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng: 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều: từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Fottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TEL. N. 15.82

THÀNH ĐỒ - BẢN

Bùi văn-Lăng

CÁCH tỉnh thành Bình-định độ 10 dặm, có một tòa cổ thành, tên gọi Đò-bản, ấy là kinh đô cũ của nước Chiêm-thành khi trước.

Nước Chiêm-thành lập quốc vào khoảng cuối đời Hán, đầu đời Đường bên Tàu. Có người huyện Tượng-lâm, ở vùng Nhật-nam, tên là Khu-lên, giết quan huyện-linh, mà tự lập lên làm vua, đặt quốc-hiệu là Lâm-ấp. Sau đến Phạm-Văn mới đưa tờ bịch cho quan Thứ sử là C-n-Phồn xin lấy Bắc bộ xứ Nhật-nam là núi Hoành-sơn làm quốc-gi, sau lại đánh lấy được nước T-y-đồ-Gi nữa.

Đến niên-hiệu Trinh quán đời Đường, vua Lâm-ấp là Phạm-trần-Lng bị ám sát, triều thần lại lập C-n-cát-Đa lên, mới đổi hiệu là Hoàn Vương-quốc. Sau đến niên-hiệu Nguyên-hòa, bị quan đô hộ An-nam là Trương-Chu đánh phá, vua Chiêm-thành lúc bấy giờ là Ngô-ni-út-Hoang mới dời đô về Chiêm-bi, như đổi lại quốc hiệu là Chiêm-thành. (Hiện nay thuộc về đất Thuận-phước châu Thanh-bình, hãy còn di-tích thành Vệ thành, chỗ ấy cũng có người gọi là Lâm-ấp thành, phía tây-nam giáp đến sông Sài-chị). Nước Chiêm-thành dời đô, lần ấy là lần đầu, sau lại dời về thành Đò-bản.

Thành ấy chính giữa lấy núi Long, cốt làm y trọng, chu vi ước mười dặm dư, bốn mặt đều có cửa, chung quanh thì lấy đá và cây làm bờ thành, tuy không đào hào xê ao ch, nhưng bền-chắc lắm. Chánh địa trung thành thì có tháp Cảnh-ti-n và gác Can-lan. Trước mặt thì lấy núi Tam-tháp làm án, phía hữu lấy núi Phong-sơn làm lũy, phía tả lấy bờ Thụ-nại làm ao, phía trong lấy núi Cù-mông làm long-bản, phía ngoài lấy đèo Bến-đá làm hồ-cử, ấy là một nước đại-hiêm.

Cảnh thổ thì bắc giáp Quảng-bình, nam giáp Bình-thuận, bề dài hơn ngàn dặm; Tụ-lạt có 150 xứ, Thống châu có 38 châu. Trong nước thì có Thứ-vương, Phó-vương, ngoại quan có 20 dư bộ, bắc-bỉ có đồn Khu-lập, hải phòng có thành Thi-nại; còn phía tây thành lại có thành Cha thành Sức và thành Huất-tri. Mấy thành ấy đều làm phan-phụ, nghiêm-nhiên là một địch-quốc trong thời bấy giờ.

Về đời Lý, Trần trở sau, thường gây việc binh-đao, hơn thua qua lại: Nào trận thua Ngư-bổ, nào dâng đất Tam-châu, nào sự vui mừng nơi đất Ý-nam, nào khi kiều-ngạo chốn Long-biên, nào công-chưa Trần phải về làm dân, nào nàng My-ê Chiêm-thành tử-tiết, bấy nhiêu đủ biể, đại-khải cuộc thịnh suy của nước Chiêm-thành trong thời-đại ấy.

Từ vua Lê-thánh-Tôn, thuộc về niên-hiệu Quang-Thuận và Hồng-đức, một lượt đánh mà thành bị phá, vua là Bí-Cải bị bắt, hai lượt đánh mà thành bị đổ, vua là Trá-Toàn bị nhục. Năm sau, vua là Trá-Toại cũng bị bắt nữa. Vì thế mà nước Chiêm-thành ngày một suy dần, nay chạy qua Hồ-thành, mai trốn qua Tân-châu, lần lữa cho đến khi mất nước, để đến nỗi Bàn-thành đô cũ đổi làm châu Tân-châu đã 300 năm vậy.

Đến đời vua Lê Cảnh-hung thứ 37, Nguyễn-Nhạc dấy lên, mới đổi thành ấy làm Hoàng-đế thành, mở rộng dưới đông-ra, chu-vi tất cả đến 15 dặm, bốn phía xây bằng đá ong, và đắp cao thêm đến một trượng 4 thước, dày 2 trượng, thêm một cửa nữa thành ra 5 cửa: mặt trước 2 cửa, tả gọi là Tân-môn, hữu gọi là Vệ-môn, phía tả đều y cũ cả, chỉ có phía hữu thì đào hào để lấy đất mà phụ thêm vào. Hiện nay dọc theo đường quan-lộ tại xứ quảng-dộc,

tức là cửa tả của thành, từ đó, xuyên lên tây đến cầu Thập-tháp, tức là mặt bắc của thành khi trước. Còn như về phía đông-nam, tây bắc và tây nam đều có núi đất, ấy là mới đắp sau trong lúc thành bị vây. Lại trên phía tây có đắp bờ đắp nhĩ, là để ngăn nước; phía tây nam có đắp đàn Nam-giao là để tế trời. Còn về phần trong thành thì lại có đắp thêm thành Can-thành. Chính giữa thành ấy thì có cất một tòa lâu, sau làm điện Chánh-tâm, trước làm kiêu Bát-giác, gọi là lầu Bát-giác; tả hữu hai bên thì cất hai tự-đường, trước lầu cất cung Quyền-bồng, hai bên cất hai nha Giực miếu để làm chỗ Thị-sự, trước cung có cửa Tam-quan, gọi là cửa Quyền-bồng. Trước cửa Quyền-bồng ấy tức là cửa Vệ-môn. Lại nơi núi Kim-sơn có lập một tòa Võ-miếu, di-tích ngày nay hãy còn. Đến những nghề đá, voi đá trong thành, và người đá, ông đá ở ngoài thành toan là vật cũ của Chiêm-thành còn lưu lại.

Nguyễn-Nhạc xưng đế thành ấy được 12 năm, cùng với em là Huệ không hòa. Huệ chiếm núi Tam-tháp, đứng trên cao ban vai vào trong thành, vì thế mà Nhạc phải yêu sức, xin hòa, anh em đều giải binh.

Qua mùa đông năm Quý-sửu, Nhạc chết, thành ấy lại về tay con Huệ là Quảng-Toàn chiếm cứ. Đến nam kỷ-vị thì Thế-lỗ Cao hoàng-đế thấu phục lại, đổi tên là thành Bình-định, mới ủy cho quan Chưởng-hạ-quân là Võ-tanh và Lê-bộ thượng-thư là Ngô-tùng-Chu lưu trấn. Qua năm Canh-than, tương Tây-sơn là Trần-quang-Diệu và Võ-van-Dũng đem binh đến vây. Hai ông ở trong thành án cứ lấy núi Long-cốt và đầm Ngạt-đầm, lập nhiều đồn, gạc, làm kế cứu tri. Diệu, Dũng không hạ thành nổi, mới khiến quân đắp trường lũy cả bốn mặt mà vây khốn. Đại binh vua Cao-hoàng đến cứu-viện, suốt năm mà không giải được, cứ

xem tiếp trang 21

Một chuyện lạ ở quốc sử cận-đại :

Một người pháp làm vua xứ mọi

(Tiếp theo và hết)

ĐẠI ĐẦU-VƯƠNG Marie 1er, vua nước Sé-dăng làm việc « lung » lắm.

Ngài gây ra chiến-tranh để mở rộng bờ-cõi. Ngài xếp-đặt lại các việc trong nước và làm củng-cố tình hòa-hảo với những nước láng-giềng như Lào và Xiêm. Ngài nhường lại những đồn-diên có vàng.

Ngài phong phẩm-tước cho thần dân, đặt các quan tỉnh và các quan phó tỉnh, lập một đạo quân, mở ty Thương-chính, sở Bru-tin. Lại xuống những đạo dụ nói về việc săn voi và phục-sức của quan, dân. Ngài lại đặt ra các huy-chương nữa.

Nghĩ mình là một vị đế-vương ở một biên-thùy Viễn-đông, chẳng nhẽ còn vương-viu với một người vợ ở Âu-châu làm chi nữa, ngài bèn li-di hẳn người bạn trăm năm ở bên Pháp.

Ở xứ mọi được năm tháng, đến tháng Septembre, ngài ngự giá về tỉnh Qui-nhon, thông điệp cho Chính-phủ Đông-dương biết nước mới lập của ngài và xin quyền bảo-hộ của nước Pháp.

Quan sứ Qui-nhon chỉ ủy-tạo ngài về cuộc thành công trong công-cán mà Chính-phủ phải ngài đi mà thôi, còn việc xin bảo-hộ cho nước Sé-dăng của ngài, thì không tán-

thành chút nào, vì thấy khó chịu về ngài quá.

Vua Marie 1er nổi giận lôi-đình, dọa sẽ cầu viện đến những cường-quốc khác. Ngài liền ngự ra Hà-nội, xin vào ra mắt quan Toàn-quyền, nhưng bị cự-luyệt.

Ngài liền thố mạ trong các báo, lại thừa một bộ triều-phục có tám lon vàng, rồi sang đảo Hongkong vào tháng Novembre định tìm những nhà tư bản để khai-khẩn nước của ngài.

Ở Đông-dương, khi ấy, dư-luân đều phản-đối ngài. Chính-phủ coi xứ mọi xưa nay vốn thuộc vào nước Nam, dù bấy lâu dân mọi vẫn chưa qui-phục. Cả những nhà truyền giáo cũng vào hứa với Chính-phủ, phản-đối lại ngài và phản-nạn trên các báo rằng bị ngài lừa.

Trong lòng ngài bấy giờ gần hết tiền, sang Hongkong cũng không nên được cơm cháo gì,

ngài liền trở về Âu-châu vào tháng Janvier 1889, hành-lý có, về boi bộn-dịch.

Về đến kinh-thành Paris, ngài lại hoạt-động dữ : cổ vãn-động tại Chính-phủ để yêu cầu trợ khoản và sự công-nhân quốc-hiệu của ngài. Lúc đầu, câu chuyện hơi có chút kiến hiên, sau rút lại, lại sự ném bùn sang ao.

Kể ra ngài cũng khéo phụ-diễn trên các mặt báo, đến nỗi dư luận phân-vân : nửa bênh ngài, nửa lại ghét ngài. Phải thì khen ngài là một vị anh-hùng, phải thì chê ngài chẳng qua là một gã « bặt mạng ».

Ròng rã sáu tháng ở Paris, đi lai hết trà lâu rọ đến từu điểm k a, ban phát vô số cho những người thân-cận nào huy-chương này, phẩm-tước nọ. Thế cũng thu được khá tiền.

Rồi ngài đính hôn cùng một bà tước danh là Marie Rose, ngài phong sẵn là chúa Marquisat de Hérinog.

Cuối tháng Juillet 1889, ngài dời kinh-thành Paris, đến tỉnh Ostende, ngài đương danh vương hiệu ngài lên ở đấy, rồi lại gần buy-chương, phong

SAIGON

12, Rue Sabourain

Tổng phát hành

TRI TÂN TẠP CHÍ

Tiệm sách : NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM

Bán báo sách Bắc

phẩm-tước, tặng chức quan, lập sẵn lãnh-sự-viên, hiệu-uy và bí-thư, vân vân, cũng nhận được khá của. Nhưng hai tháng sau, lại lâm vào cảnh cùng quẫn, bà chúa Marie Rose bèn bỏ ngài.

De Mayrena may gặp được vị cứu tinh là một nhà đại tư-bản. Nhà này có hình biểu-danh, tín ngài lắm, trả hết nợ cho ngài và xuất tiền lộ phí cho ngài về nước Nam-bản. Báo cái ơn tri-ngộ ấy, ngài phong cho nhà tư-bản kia làm ông Hoàng Duc de Sédrar et de Sepyr và cho được hưởng quyền lợi một phần ba trong công cuộc khai khẩn xứ mới.

Khi ấy, Chính-phủ Đông-dương cũng hành động dữ về việc De Mayrena, muốn giải quyết một lần cho xong, cho khỏi sihra chuyện rắc rối. Ông sử-tử h Qui-nhon, vào tháng Avril 189, được lệnh sang xứ Nam bản có các nhà đạo giúp sức, nên lại họp các tù trưởng mới, vốn là thần-tử vua Marie Ier. Các tù-trưởng này cũng thề trung-thành với nước Pháp, y như năm trước đã bầu vua De Mayrena vậy. Thế là lá cờ ba sắc thay vào lá cờ lam có chữ thập trắng và sao đỏ.

Đến tháng Janvier 1890, Đại đầu-vương De Mayrena dời xa-gia từ bến Anvers trở đường về nước mới, có năm người nước Bỉ đi phò.

Đón coi:

1) « Ông Ich-khiêm ».

của Nhật-Nham.

2) « Việt-Nam xưa đã thôn-tinh mấy nước ? ».

của Trần huy-Bá.

Đến Février, ngài đến bến Singapour. Ngài ngã ngựa người ra, khi nghe được tin Chính-phủ Đông-dương đã vận-dòng phòng ngừa cấm không cho ngài bước chân lên đất Đông-dương và nước Xiêm.

Ngán nỗi ở Singapour không ai để ý đến ngài là vị vương-giả! Ngài phải đi ẩn ở đảo Tioman, cách Singapour độ 100 anh-lý

Chắc ngài vẫn chưa quên hẳn nước Sé-dăng của ngài. Ngài bèn nhập môn vào đạo Hồi-hồi, và lấy một người vợ mã-lai tên là Aïssa... Ngài có ý chỉ lối cho các nhà truyền giáo Hồi-hồi vào đất xứ mới để báo thù lại những nhà đạo Cơ-dốc đã phản ngài.

Đến ngày 11 Novembre 1890 (29 tháng chín niên hiệu Thành-thái thứ hai), ngài băng hà ở đảo một cách bí-mật. Tin nhà nước thì báo rằng ngài bị rã căn chết. Nhưng có kẻ ngờ rằng ngài bị đầu độc hay ngài tự tử. Có kẻ lại nói rằng ngài chết vì đánh nhau.

Đến nay, đã hơn 50 năm, dân xứ Sé-dăng không ai còn nhớ đến ngài nữa. Nước suối trên cao nguyên vẫn chảy xuống, những khóm lan rừng đến mùa vẫn nở hoa, những nhà lều công của dân mọi nhà mái cao chói vót như gác nhà chuông, ở dưới mái ấy, khi có cuộc họp dân làng, người ta vẫn nghe thấy tiếng cười cợt buổi hút rượu cần và tiếng âm-nhạc bằng tre du dương đưa vọng ra ngoài rừng rậm.

(Hết)

LIÊN-GIANG

Một cuộc thi về lịch-sử do báo TRI-TÂN tổ chức

ĐẦU BÀI

Viết một thiên lịch sử ký sự (récit historique) thuộc phạm-vi Nam-sử bất cứ về đời nào miễn phải là sử-liệu chưa ai nói đến và chưa đăng báo bao giờ (inédit).

Đầu bài tùy tác giả lựa lấy :

Hoặc căn cứ vào tài liệu xác đáng trong sử sách, hoặc đến nơi quan sát, hoặc nhặt lượm tài liệu các cổ-lão kể lại, phải dẫn sách, chứng phân minh.

THÈ-LỆ—Các bài thi viết vào giấy khổ rộng bằng giấy học trò (papier écolier). viết một mặt, giấy ít nhất 10 trang, nhiều nhất 15 trang, dưới bài ký chằm ngôn hay biệt hiệu, còn tên, địa chỉ thì bỏ vào phong bì kèm với bài cho được công bình. Hạn gửi bài đến ngày 31 Décembre 1941 là hết. Các bài đều gửi cho :

Ông chủ nhiệm báo TRI-TÂN

195 Rue du Colon Hanoi

Ngoài bì nhớ đề « Dự cuộc thi Lịch sử ».

Hội Hợp-Thiện làm chạy phả độ

Nhân dịp lễ Trung-nguyên hội Hợp-thiện Bắc-kỳ có định làm lễ truy điệu cho các công đức hội viên và làm chạy phả độ vạn linh tại chùa Hợp-phúc trong phúc trang Quỳnh-lôi vào hai ngày 6 và 7 Septembre (tức 15 và 16 tháng 7 ta).

Quyển vàng lần giở

« Một nền giáo-dục Việt-Nam mới »
hay là « Xưởng đúc người » của ông Thái-Phỉ

Hội-thống VŨ-VĂN-LỢI

CÁCH đây bốn năm, đại-tướng WEYGAND có xuất-bản một cuốn sách nhỏ : « Comment élever nos fils » bàn về sự cải-cách nền giáo-dục, mong đào-lạo nên những thế-hệ thanh-niên mới, giàu nghị-lực, nhiều quả-cảm, có chí phấn đấu hăng-hai, vui-vẻ mà sống và hành-động. Trong ngót 50 trang giấy, Đại-tướng đã dùng một lời văn lúc giản-dị, hùng-hồn, lúc cảm - động, thông-thiết, làm cho chúng ta phải suy nghĩ, và kính-phục bậc lão - thanh, tài-năng quán-thế, lúc nào cũng nặng một lòng vì nước, vì dân.

Theo gương sáng ấy, ông Thái-Phỉ, một nhà mô-phạm « đã từng trông, từng thấy, từng cảm và từng thực - hành » cũng « muốn hô-hào một cuộc cải-cách giáo-dục hoàn-toàn và triệt-đề » trên bán đảo chữ S này. Vì đã « trông rõ thấy mặt mũi và tim óc của thiếu-niên và thanh-niên Việt-nam hiện-dại », « cái thành-tích » tai-hại « của nền giáo-dục xưa và nay ở nước Nam », đã « trông thấy các loại thiếu-niên ốm-yếu về thể-chất và bạc-nhược về tinh-thần .. đang dùng-dà dùng-dính bước dần xuống huyết... », nên ông Thái-Phỉ đã không thể đứng được, và đã mạnh-bạo « thảo ra một kế-hoạch cải-cách giáo-dục » mong đi đến một tương-lai đẹp-đẽ.

« Một nền giáo-dục Việt-Nam mới » là « những lời thành-thực và tâm-huyết phả ra từ đáy lòng » một người « vừa làm nghề dạy trẻ vừa là chủ một gia-đình đông con ». Chúng ta phải thành-thực ngợi-khen tác-giả đã lao tâm, khổ

từ nghĩ đến tiền-đồ nước nhà, mà thảo ra « một kế hoạch » đề tạo nên những người Việt-nam mới — mới cả về thể-chất lẫn tinh-thần.

Trước khi bàn thêm với ông Thái-Phỉ về cái « xưởng đúc người » của ông, tôi xin nói ngay rằng ông đã « quá bi-quan hay quá nghiêm-khắc mà thành ra thiên-lệch ». Ông « chỉ nhìn thấy thuần những cái xấu, cái dở của thiếu-niên : nhu-nhược, thiếu tinh-thần độc-lập, óc phê-bình, thiếu tinh-thần phương-pháp, kém óc thực-tế và không tháo-vát, giàu óc chối-kệ, không biết trọng kỷ-luật và trật-tự, xỏ-xàng và thô-tục, hung-hăng xằng, thích xa-hoa và đàng-diểm, không ưa hoạt-động và lười-biếng, kém tinh thần thích-nghi (esprit d'adaptation), không có tin ngưỡng và không thờ một lý-tưởng nào, không có ý-thức quốc-gia (conscience nationale) ; họ chỉ thờ có mỗi một thứ : Ái-tình và hiện-thân của Ái-tình là người đàn bà ». Ông Thái-Phỉ đã thừa biết rằng : « nhân vô thập toàn » và mền-day nào mà không có mặt trái. Nên ông đã noi thêm rằng : « Thiếu-niên ngày nay thẳng hoặc có vài đức tính chi đó (sao ông không kể ra ??) thì bên cạnh các cái xấu và dở « tây dĩnh » trên kia, cái đức-tính nhỏ-nhất (một lần nữa sao ông không kể ra ??) ấy cũng bị lu-mờ đi và thường không đủ để « đánh dấu » lấy họ ».

Tác-giả cho thế là chưa đủ, nên lại viết thêm : « Ga-dĩ công-việc của tôi làm đây không phải là điều-tra về thiếu-niên hiện thời, nhưng là tìm xem họ có

những khuyết-diểm gì để rồi liệu cách bồi-bổ cho họ mà thôi ». Rõ ràng là tác-giả đã quá bi-quan mà thành ra thiên-lệch. Nhà y-sĩ, trước khi muốn đưa con bệnh lên bàn mổ, để chữa một bộ-phận nào trong người, tất phải xét xem những bộ-phận khác — để có liên-lạc mật-thiết cả — còn tốt hay đã bị hư-hỏng rồi, ví như đau tim nặng, hay đau phổi, thì không đủ sức mà chống-lại với lưỡi dao giải-phẫu. Nói một cách khác, con bệnh có hi-vọng khỏi được, có thể chữa được, vì lực phủ, ngũ tạng còn tốt cả, thì mới dùng đủ cách, thang thuốc hoặc mổ trích để chạy chữa. Con bệnh đã vào thời kỳ trầm-trọng thập tử nhất sinh, thì dù thuốc hay, thầy giỏi đến đâu cũng khó mà chữa được. Cũng vậy, nhà mô-phạm trước khi bồi-bổ về tinh-thần cho thiếu-niên, tất cũng tìm xem họ có những đức tính gì, để nhân đấy, gây lấy những đức tính khác, mới mong phương thuốc của mình có hiệu quả. Nếu lương-lâm họ chưa đến nỗi lu-mờ hẳn, thì rất có hi-vọng một ngày kia họ sẽ cải tà quy chính mà noi theo con đường sáng-sủa của nghĩa vụ và danh-dự.

Ông Thái-Phỉ tìm những khuyết-diểm của thiếu-niên (trang 64) ; nhưng, « trước khi giáo-dục thiếu-niên », ông lại « thấy phải làm cho người lớn lĩnh-ngộ trước đã » (trang 72). Vậy ra « người lớn » cũng có ít nhiều khuyết-diểm ? (« Trong các gia-đình, các bậc cha mẹ phải tự nghiêm-cấm mình » và như thế tức là nghiêm-cấm con cái về sự xa-hoa ; kiêng nói tục và cẩn-thận lời nói ở trước mặt trẻ, vân vân) (trang 123).

Cứ công-bằng mà nói, dân-tộc Việt-nam mình, bên cạnh những cái dở, không phải là không có

những cái hay. Ông Tuyết-Huy Dương-Bá-Trạc, trong tập « Tiếng gọi dân » xuất bản năm 1925, đã công nhận rằng người mình có vấn đề gia-tộc, trọng sinh-mệnh, trọng danh-dự, ham cạnh-tranh và hiếu-quần. Thiếu-niên Việt-nam được thừa hưởng cái gia-tài tinh-thần di-truyền kia, không phải là không có những cái hay. Chúng tôi mong rằng sự khủng-hoảng về tinh-thần của một hạng thiếu-niên ngày nay sẽ chỉ là nhất-thời, và chẳng bao lâu cái tinh-thần cổ-hữu của noi giông, tiếng gọi xa-xăm của các bậc tiền-boi đã từng ghi vào lịch-sử những trang oanh-liệt, sẽ trở lại với những thế-hệ thanh-niên mới, và thức tỉnh lương-tri họ.

« Mục đích của nền giáo-dục mới », theo tác giả, « là thích-nghĩ thiếu-niên Việt-nam về đường vật chất và tinh-thần với một xã-hội Việt-nam tương lai ». Bởi vậy, tác-giả « nghiên-cứu cái thị trường mới trong đó « cái công-cụ do sáng-đức người » của ông « chế-tạo sắp-sửa đem ra tiêu thụ ». Nghĩa là tác-giả « muốn thử phác qua một xã-hội Việt-nam mai sau bằng sách đi trước thời đại ».

Dưới mắt ông Thái-Phỉ, nhà nông sẽ đỡ vất-vả, và thu-hoạch được nhiều. Chỉ cần phải « tìm cách chế ngự tạo-vật » và « theo những phương-pháp canh-tác mới, dùng những khí-cụ tối-tân » « Nước Nam sau này muốn có một nền kinh-tế vững-chắc, tất phải thành ra một nước công-nghệ mới được »... « Công-nghệ đã phát-triển thì bao nhiêu chế-độ mới về thương-mại và lý-tài cũng đồng thời xuất-hiện (?) Cao được kinh-doanh các công-việc to-tát ấy, ta phải có những người hoạt động như ở các nước

tân-tiến mới xong »... « Cuộc sống khi ấy sẽ cần đến nhiều tài-năng và đức-tính mà người ta nếu không có tất sẽ bị đào-thải ngay ».

« Vậy một người mới của xã-hội Việt-nam mai sau », theo ý ông Thái-Phỉ, « phải khỏe và sạch về thể-chất. Về tinh-thần, phải : yêu đời, vui-vẻ, hoạt-động ; có tinh thần độc-lập, có óc khoa-học, óc thực-tế ; trọng kỷ-luật và trật-tự ; có tinh-thần gia-tộc, ý-thức quốc-gia ; một lý-tưởng đề mà phụng-sự ; biết tránh sự xa-hoa và sự phụ-nhược ; sống một cuộc đời thật giản-dị ; có chí làm lớn và gan dạ ». Tất cả gồm có 13 điều-kiện. Có lẽ khá nhiều !

Theo ngu ý, thì thanh-niên Việt-nam cũng như thanh-niên các nước khác, ở hiện-đại, cũng như ở xã-hội mai sau, cần phải có một tâm hồn trong-sạch trong một thân thể cường trảng. Noi một cách khác, cần phải khỏe về thể-chất ; uyên-bác về phương-dien luân-ly (Formons des hommes forts physiquement, intellectuellement, moralement. Général WEYGAND, Comment élever nos fils, p. 46). Một người khỏe về thể-chất, thì lúc nào cũng vui-vẻ, hoạt-động và yêu đời. Có học-van uyên-bác, tất nhiên là có óc khoa-học, có tinh-thần độc-lập, có ý-thức quốc-gia, có một cuộc đời bên trong (vie intérieure) dồi dào v... v... Có quan-niệm sáng-suốt về luân-ly, tất biết tránh sự xa-hoa, phụ-nhược, sống một cuộc đời giản-dị, v... v...

« Một kế-hoạch để tạo nên một người Việt-nam mới » : đây mới chính là chỗ dụng công nhất của tác-giả. Những phương-tiện chính trình bày ở chương VI, hay là « cái khuôn nhất-định để

đúc cái mẫu » người mới, do ông Thái-Phỉ « sáng-tạo ra », tiếc thay ! lại bị k. d. bỏ mất đoạn đầu (I-10). Về phương-dien giáo-dục, tác-giả bàn nên có hai nền học cốt-yếu :

a) Quần chúng giáo-dục, tức là phổ-thông giáo-dục ;

b) Thượng lưu giáo-dục.

Nền quần-chúng giáo-dục phải tách ra : hương-thôn giáo-dục, và thành-thị giáo-dục (trang 108).

Ngoài ra, chương-trình học nên đơn giản và thiết-thực (giản-ước và thiết-thực về mặt trí-thức ; phong-phá về mặt đức-dục). Nền thể-dục cần phải chỉ-huy. Sau hết tác-giả tin rằng sự « cưỡng-bách việc đầu quân » rất hiệu-nghiem. « Cai quân-quốc chủ - nghĩa (militarisme) là phương thuốc chữa bệnh xa-hoa và nhu-nhược rất linh-nghiem. Quân-đội là cái trường rèn đức tinh-thần kỷ-luật và trật-tự rất hiệu-lực » (trang 120).

« Cưỡng-bách việc đầu quân » chưa đến lúc mang ra thực hành được.

Hiện nay, các trò em từ 6 đến 10 tuổi phần nhiều nhập vào các đoàn Sĩ con, luyện theo tinh-thần hướng-đạo, sẽ biết trọng kỷ-luật và danh-dự. Các trò từ 12 đến 16 tuổi, thiết tưởng, nên nhập vào các Trại Thanh-niên sẽ thanh-lập khắp trong nước (biện nay ở trên Ba-Vi đã có một trại thanh niên kiều-mẫu) Đức-dục sẽ được đặt lên trên trí-dục ; vì biết ít mà rành-rọt, còn hơn biết nhiều mà lộn xộn (Tête bien faite vaut mieux que tête bien pleine). Vả lại, khoa-học mà không có lương-tâm, thì chỉ là sự đồi-bại của tâm-hồn (Science sans conscience n'est que ruine de l'âme).

Xem tiếp trang 20

==Một nhà đại-văn-hào Ấn-đô vừa tạ-thế==

RABINDRANATH TAGORE

(1861 — 1941)

NHÂN - NGHĨA

II. — Văn chương

TAGORE có soạn tới 30 cuốn thi-ca, 14 kịch-bản, 10 tập tiểu-thuyết ngắn, 8 cuốn tiểu-thuyết giá-trị và nhiều tập diễn-thuyết.

Về thi-ca, ngoài cuốn « *Gitanjali* » (*L'Offrande lyrique*), còn có những quyển này đã dịch ra pháp-văn : « *Le Jardinier d'amour* » (dịch năm 1920), « *La Corbeille de fruits* » (dịch năm 1921), « *La fugitive* » (dịch năm 1922), « *Le Groissant* » hay là « *La jeune lune* » (dịch năm 1924), « *Les oiseaux égarés* », « *Les Reliques de la pensée* », « *Poèmes de Kabir* » (đều dịch năm 1924), v. v. . .

Trong các kịch-bản đã dịch ra pháp-văn có : « *Le cycle du printemps* » (dịch năm 1926), « *Le roi de la chambre noire* », « *Sacrifice* », « *Post-office* » (dịch năm 1925 đổi là : *Amal ou la lettre du roi*), « *Chitra* », « *La Machine* » (dịch năm 1929), v. v. . .

Trong các tập tiểu-thuyết ngắn, có hai tập « *Les pierres affamées* » và « *Contes de Mashī* » (dịch năm 1925) gồm độ 30 bài, lời văn giản-dị, chẳng khác những truyện ngắn của Guy de Maupassant.

Về tiểu-thuyết dài, những cuốn đầu tiên viết vào khoảng những năm 1877-1890, chịu

những ảnh-hưởng của một văn-sĩ Ấn-đô khác, đã nổi tiếng hồi bấy giờ, là *Bankim Chandra Chatterjee*.

Trong khoảng những năm 1890-1900, những tiểu-thuyết ngắn của tiên-sinh đã thoát-ly ảnh-hưởng ấy và chú trọng tả cuộc đời của dân quê và hạng trung-lưu trong xã-hội Ấn-đô.

Rồi về sau, mới đến những tiểu-thuyết xã-hội giải, viết vào những năm sau này :

1900-1902 : *Nauka Dubi* (*Le Naufrage*), mãi năm 1929 mới dịch ra pháp-văn ;

1904-1905 : *Chokha Bali* (*Tris-esse des yeux*), không dịch ra pháp-văn ;

1908-1910 : *Gora*, dịch ra pháp-văn năm 1923, không dịch ra pháp-văn ;

1913-1914 : *Gharé Bairé* (*La Maison et le Monde*) dịch ra pháp-văn năm 1921 ;

1914-1915 : *Chaturanga* (*Quatre voix*) (1) dịch ra pháp-văn năm 1924.

Còn những bài diễn-thuyết đọc ở Âu-Mỹ và Nhật-bản, thì khi về nước, tiên-sinh có in thành sách, như những quyển « *Sadhana ou la Réalisation de la vie* », gồm cả triết-học của tiên-sinh ; « *Personnalité* » nói về mỹ-thuật, nhân-cách, dân-bà, v. v. . ; « *Nationalisme* » nói về chủ-nghĩa quốc-gia ở Tây-

phương, Nhật-bản và Ấn-đô ; « *Unité créatrice* » nói về tôn-gáo của thi-nhân ; « *Orient et Occident* », so sánh văn-minh Đông-Tây, v. v. . .

Ngoài ra, tiên-sinh còn có một quyển tự-truyện, nhan đề là « *Réminiscences* » hay « *Souvenirs* » (dịch ra pháp-văn năm 1925), thuật lại đời mình từ nhỏ đến năm 24 tuổi, và một tập « *Lettres à un ami* ».

Sau cái bảng kê-khai trên đây, tôi tưởng nên xét qua một vài quyển giá-trị nhất. « *Amal ou la lettre du roi* » là một vở kịch nhuộm màu sắc thần-tiên : một đứa trẻ — Amal — ốm nặng, nằm chờ chết trong một căn buồng tối mò, nằm chờ một cách ngoan-ngoãn, nhẫn nại, không rên-la không khóc-lóc. Nó mơ thấy nhiều thứ lắm : giấc mơ đẹp-dẽ nhất là nó nhận được một phong thư của đức vua mà nó ngày đêm chờ đợi ; nó mơ thấy mấy giờ sau khi nó nhận được thư, thì đức vua thân-hành đến thăm nó. Giấc mơ đẹp-dẽ ấy khiến nó yên ngủ, lòng chưa chán bi-vọng, nhưng ngủ mà không bao giờ tỉnh lại nữa.

« *Sacrifice* » (*Hi-sinh*) là một vở kịch thâm trầm, mô tả sự xung đột vô tận của lòng mê tín với sự tiến-bộ khoa-học : Một đứa con gái nhỏ bị người ta bắt mất con dê cái của nó, đem giết để tế nữ thần Kali. Thấy nó khóc lóc thảm thiết, vua Govinda đem lòng thương hại và ban lệnh cho toàn quốc, cấm

(1) Chính chữ « *chaturanga* » nghĩa là « có 4 phần » (à 4 parties) vì cuốn sách có bốn phần : *L'Oncle*, *Satish*, *Damini*, *Srivilas*.

Đến tháng 8 ta này... ngày kỷ-niệm đức Trần-Hung-Đạo, bản chí sẽ ra một số đặc biệt nói riêng về bậc võ-nhân của nước Nam ấy.

giết chúng sinh để tế thần như trước nữa. Sự ngăn cấm ấy làm cho giáo sĩ Bhagupathi tức giận, vì bốn phật hân là phải gìn giữ những tục tế lễ đã có từ mấy nghìn năm. Hân xui giục người này người khác và xui cả vợ vua cùng con nuôi vua tìm cách hai nhà vua. Thấy nói cần phải có máu của hoàng-gia để đem tế nữ-thần, đưa con nuôi của vua lại không rõ nào hai nhà vua, nó liền đâm cổ chết để có máu. Tấm gương hiêu nghĩa trung liệt ấy làm cho giáo-sĩ tử hngộ và cũng xoay ra công kích sự lễ-lễ, khiến nhà vua có thể dễ-dàng bãi bỏ cấm lệnh.

Trong các tiểu-thuyết xã-hội của Tagore được hoan-ngheh nhất là quyển « *La Maison et le Monde* » (Gia đình và thế-giới) (1)

Tiên-sinh đã cho hai tư-tưởng này xung-đột nhau: một đảng là chủ nghĩa ái quốc hiêu theo một cách rộng rãi yêu nước nhưng không vì tiền mà phải hại ngoại; một đảng là chủ nghĩa quốc-gia hiêu theo một cách hẹp hòi yêu nước để nổi thù ghét hết thảy cái gì là của ngoại quốc. Tiêu-biểu cho phái trên là chàng Nikhil một vị

quốc-vương khôn ngoan. Tiêu-biểu cho phái dưới là chàng Sandip nóng nảy tàn bạo.

Nikhil không chịu ra lệnh « tẩy chay » hàng ngoại-quốc vì hiêu rằng làm thế không ích gì, mà lại còn hại đến quyền-lợi của dân-chúng ở dưới quyền cai-trị của ông nữa.

Nhưng kẻ địch của ông — phái Sandip — buộc tội ông là hèn-nhát, là phản-quốc. Người ta tô-vẽ bình ảnh ông rồi đem đốt cháy trong các công viên ở nhiều tỉnh của xứ Bengale. Đau-dớn nhất là nàng Bimala, người vợ yêu-dấu của ông, cũng dần dần xa lánh ông vì nàng tán-đồng chủ-nghĩa của Sandip mà nàng cho là một vị anh hùng của lò-quốc.

Nhưng dần dần nàng cũng hiêu cái mặt trái của Sandip: bản có một tâm địa dè hèn, tham quyền cao, hám chức-trọng, chạy theo đồng tiền bất-nghĩa. Nàng tỉnh ngộ nhưng đã muộn rồi: chồng nàng, muốn giữ tự do tư-tưởng, cũng đã trả lại tự do cho nàng. Bimala giở lại với chồng giữa lúc Nikhil bị dân chúng nổi loạn giết chết, trong khi Sandip chạy trốn một cách hèn nhát.

Cuốn tiểu thuyết này là bình-hoạ nước Ấn độ hiện nay, bị

xâu xé giữa hai luồng tư-tưởng ái quốc: một đảng chủ bạo-dộng, một đảng chủ hòa bình; một đảng đi đường cách mệnh, một đảng đi đường văn hóa tư-tưởng.

Tagore đã bình vực thuyết hòa-bình bằng cách ca tụng lòng ái quốc chân chính của Nikhil.

Tiên sinh không tán đồng sự bạo động, nhưng kẻ nào dám bảo tiên sinh không yêu nước? Tiên sinh đã một lần trả lại Anh hoàng tước « *chevalier* » (không nhận chữ *sir* đặt trước tên) kèm theo một bức thư thống thiết nói mình không dám mơ tưởng phú quý vinh-hoa

Kiểm duyệt bổ

Nhân-Nghĩa

(1) Một bản dịch ra quốc văn đã đăng trong tạp chí « *Tao-dân* ».

Thống-chế PÉTAIN đã nói

« Chúng ta có thể, theo một nền kinh-tế có tổ-chức, thiết-lập những khu cộng-tác vững-bền mà ở đó mỗi người sẽ có địa-vị và lương-bổng xứng-đáng với tài-năng của mình ».

Cách gửi thư và đệ công-văn của ta ngày xưa

Thương anh, em cũng muốn vô,
Sợ chuồng nhà Hồ, sợ phá Tam-giang (1)

NGUỜI thiếu-phụ nhớ chồng, nhớ ý-trung nhân vì thấy đường-xá gian-nan, diêu-vợi, nên đã có câu « nhân nhe » ấy. Hồi xưa, từ Bắc vào Nam không phải một ngày, vài ngày mà tới; song phải đi hàng tháng hàng năm, lại còn ngại những nỗi dọc đường: nào trộm, cướp, giặc-giã, đồ-giang là khác. Gia chi dĩ cách thông tin-tức lại càng khó-khăn hơn: chỉ nhân gặp người nào thì « nhân nhời », tuy cũng có nhà trạm, nhưng chỉ để riêng dùng vào việc công-văn của nhà-nước.

Nhà trạm hồi xưa tổ-chức ra sao? Nhà Lý, vua Thái-Tôn (1028-1054) chia đường quan-lộ từ kinh-thành đến các tỉnh-ra thành từng cung một, mỗi cung lại có đặt một nhà trạm, gọi là cung-dịch hay trạm-dịch. Nhà trạm ấy chuyên coi việc chạy giấy tờ, công-văn từ kinh-thành ra các tỉnh. Lại còn dùng làm nơi nghỉ chân, thay ngựa, thay phu của các quan-chức sai đi các việc.

Từ nhà Lý về sau, các triều cũng theo nếp ấy mà đặt thêm nhiều cung trạm.

Bản-triều đặt trạm từ Huế vào Nam-kỳ và ra Bắc-thành (Hanoi). Nhà trạm làm ngay vệ đường quan-lộ, lợp lá. Mỗi trạm có chức dịch-mục hay dịch-thừa trông nom; dưới có lính trạm độ 3, 4 người, lúc nào ít ra cũng phải có hai người túc-trực ở nhà trạm, phòng có việc giấy má cần kíp.

Những viên-chức nhà trạm cũng lính trạm đều thuộc quyền bộ Binh trông nom. Ở các tỉnh thì nhà An-sát phải giữ việc phát lương và gạo công-văn Lương-tháng của họ cũng như lính cơ và đều được miễn trừ phu-phép, tạp-dịch,

Công-văn của nhà nước, khi xưa, thường đựng vào những ống tre to gọi là « ống công văn » hai đầu đều buộc giây, gần dựa thông cùng đóng dấu rất kỹ-lưỡng. Lính trạm không những chỉ chạy công-văn, thư tín, lại còn phải mang hòm-siêng, khiêng cang, khiêng vồng cho các quan to hoặc từ Huế chạy ra Bắc, hoặc từ Bắc tiến Kinh. Cách đi như thế gọi là đi « do dịch ». Ngoài ra, hằng năm, lại phải đệ những đồ tiến về Kinh để nhà vua dùng (như gạo tỉnh Bắc, chuối tỉnh Nam, chim sâm-cầm hồ Tây, cam Nghệ-an, mía Thanh-hóa v. v...)

Lính trạm ăn mặc như người thường, chỉ khác là trên vai đeo mấy cái nhạc hay mấy cái chuông con để làm hiệu khi đi đường Dọc đường, nếu gặp lính trạm thì ai cũng phải tránh. Qua các bến sông, các đò ngang, bao giờ lính trạm cũng được chở đi trước.

Lính trạm thường đi bộ, khi có việc quan hay việc quân khẩn-cấp thì được dùng ngựa. Người lính trạm cưỡi ngựa, muốn cho kẻ khác tránh mình và khỏi bị ngấn-trở dọc đường, thường tay cầm một nắm lông gà hay một que củi cháy dở để làm hiệu. (Tục gọi hòn than lông gà là thế). Có lẽ cũng vì nghĩa ấy nên trong các tờ trát hay thẻ bài của các quan thời xưa thường thấy phê hai chữ « hỏa tốc » khi nào có việc cần-kíp.

Những lính trạm của quan tướng đi đánh giặc có tin báo tiếp (báo đánh được giặc) thì tay cầm cờ đỏ chạy về Kinh.

Chạy công-văn, giấy-tờ của Nhà-nước cũng có kỳ-hạn: đại-khải việc cần phải đi gấp, như từ kinh-đô Huế ra Bắc, phải đi ngày đêm trong 3 hôm; việc không cần thì đi trong sáu hôm; đi lâu không được quá 12 hôm.

Còn về luật-lệ thi-hành trong công việc chạy trạm, trong luật bản-triều (2) định rằng:

« Phàm lính trạm chạy công-văn, mà dể chậm, phải 20 roi, mỗi chậm ba khắc canh già tội một bậc, tội chỉ đến 50 roi. Nạt rách một giac (một góc) phong-bì ngoài, mà không động đến nguyên-phong thì phải 20 roi, mỗi 3 giac già tội một bậc, tội chỉ đến trượng 60. Làm hư nát một giac công-văn mà không động đến nguyên-phong, thì phải 40 roi, mỗi 2 giac, già tội một bậc, tội chỉ đến trượng 80. Nhược bằng giấu nát công-văn, hay là xe ra một giac nguyên-phong thì phải trượng 60, mỗi một giac già tội một bậc, tội chỉ đến trượng 100. Công-văn việc quân-linh cơ-mật, thì bắt tội nặng hơn » (Điều 211 luật binh). Lại còn định:

« Phàm giấy tờ báo gấp việc quân-tình mà cố ý không cho trạm chạy, thì phải trượng 100, vì thế mà hỏng việc quân-cơ, thì phải trăm giam-hạ » (Điều 216 luật binh). Và:

Phàm việc quan, có những người hay là của đồ các thứ nên phải đem đi, mà dể chậm lại, thì mỗi ngày phải 20 roi, tội chỉ đến 50 roi (cáo việc quân-nhu thì khác, » (Điều 217 luật binh).

Thấy luật trên nghiêm khắc, nào « roi, trượng trăm » như thế, chắc ai cũng yên trí rằng việc thư tín ngày trước tất hoàn bị lắm. Nhưng luật-lệ là luật-lệ, mà thi-hành lại là việc khác.

Các tệ tục về lính trạm tướng cũng nên nói rõ: Khi trước, lính trạm phần đông ý mình mang công-văn Nhà-nước, nghênh ngang

TIỀN-ĐÀM

Xem tiếp trang 16

(1) Đường bộ vào Trung-kỳ có chuồng nhà Hồ là một khu rừng rậm lắm kẻ cướp tụ họp cướp bóc khách bộ-hành. Sóng to ở Tam-giang rất nguy-hiểm cho thuyền-bé. Về sau, quan Nội-tán Nguyễn-khoa-Đẳng trừ được đám cướp ấy và bị bắt được sống dâng.

(2) Có luật An-nam lược đủ 308 điều của Đỗ Quang - Đính, Imprimerie Tonkin - no 150. Bách Thái Bưởi et Cie, in năm 1911. Luật binh thi-hành về nhà trạm 11 điều (từ 211 đến 221).

Trái đất xoay quanh vòng nhật nguyệt,
Chiến-tranh tấn-bộ đến đâu ngừng?
Bề rộn, non lay, đồn thác huyết,
Văn-minh tuyệt-đối rạng dần chẳng?
Cờ kim tin - tướng chừng hãn thế:
Lịch-sử muôn đời vết máu rây.
Huyền-vi tạo-hóa khôn dò lẽ,
Thí-nghiệm nhân quần táng đờm thay!

X

Dựa gió thổi về nơi dụng chiến,
Thuyền binh trăm chiếc cánh buồm dương.
Quan quân khoanh gối, vui chờ truyện,
Sóng dập dồn đưa, lái nhẹ nhàng.
Vất vả tay chèo khi sóng lặng.
Gió yên, buồm hạ, tiếng reo hò.
Một đoàn quân chiến đấu thung thẳm
Trên thềm nhung xanh lẫn màu gió.

Trong sương thấp thoáng cờ phơ phất:
Thuyền địch lộ nhỏ tiến lại gần.
Ba quân bày trận thành chữ nhất,
Mộc đồ, dao đâm, miệng thét rầm.
Tên bay, gươm múa, đầu-lâu rụng,
Thuyền ụp, quân bơi, tướng lộn nhào.
Máu vọt đỏ ngầu muôn lớp sóng,
Mặt bể vang lừng tiếng trọi đao.

X

Trăm vạn hùng binh, tàn phất phới,
Lục tục trèo non, vượt suối, đi...
Thẳng đường tiến phát ra biên-giới;
Cung, tên, giáo, mác, kích, gươm, trùy...
Uy nghi võ-tướng trên mình ngựa,
Chiêng trống vang trời nổi gót theo.
Đoàn xe lương thảo chen vô giữa:
Hồn hèn bỏ la, bánh gạo kêu.

Đuốc nửa sáng chưng trời một góc,
Chiến-sĩ như cuồng, chém giết say.
Ngựa hí, voi xó, còi, ốc rúc,

Chinh... của MINH-TUYỀN ...Chiến

Sườn phanh ngực thủng, tóc, đầu bay!
Bóng tên tua tủa, giáy cung phụt,
Ngọn kích tung hoành, trống trận rung.
Máu chảy dạt dào, thấy chông chắt,
Gươm thần nhấp nhodng khoảng không-
trung.

Lầm-lội sa-tràng yên khói lửa,
Ủ rũ là-huy, ẩm đạm chiều!
Máu đọng, xương phơi, da thịt rữa,
Thấy nát, kinh hồn tiếng qua reo!
Vật lộn anh-hùng cơn ngất ngỏi,
Chân quặp đầu lâu, kiếm đỏ lóm,
Tóc chắm bùn đen, thân quần quai,
Đảo ngược con người, mím chặt mồm!

X

Khoa-học đằm-ló non nước cỏ,
Chinh-chiến ngay nay khác thừa xưa.
Liệt-quốc tranh hùng ngôi bá-chủ,
Mặt trận bão la chẳng bến bờ:
Từ bãi cát đỏ vùng sa-mạc
Tới làn tuyết trắng Bắc-băng-dương,
Thoán thoát tàu ngầm qua sóng bạc,
Đồ sộ xe tăng bắn lửa vàng.
Bom rộ vang lừng trong bốn cõi,
Phi-cơ tới tập khắp năm châu.
Mặt mù hơi ngạt tuôn mây khói,
Lơ lửng từng không toán nhảy dù.
Biển ca đưa tin bộ sát đây,
Truyền-thanh trò chuyện nổi đông tây,
Đại-bác uốn cong đường đạn chạy,
Thủy-lôi chờ đợi, bấp bênh, xoay...

X

Một đoàn chiến-hạm dương dò lối
Bên địch từ lâu tấn bốn phương.
Gan góc tàu ngầm, không liến thoái,
Ngư-lôi phóng trộm, phá tuần-dương.
Tiếng nổ dậy vang, tung tóe bạc,
Phi-cơ tức tối ném bom tràn.
Nhả đạn quanh mình, xoay đại-bác,
Tuần-dương nghiêng đổ, sóng leo ngang.
Thủy-thủ lao mình, ôm mây nước,
Tàu ngầm lẫn chồn giữa mênh mang.
Theo sau thiết-giáp không dời bước,
Chón sóng quân thù dưới đại-dương..
Bền sấm chiều hôm lên tiếng khóc.
Chiến-hạm xa xa khuất bóng rồi.
Mặt trận còn loang ngọn lửa bốc
Thấu đêm sáng rực một phương trời.

X

Tiếng còi báo động nghe thê thảm,
Giục cả châu - thành sửa soạn mau!..
Khóa cửa, đóng con đi trú ẩn,
Nhân-dân chen chúc xuống hầm sâu.
Oán than, rên rỉ, chuồng vàng rộn;
Nhớ nhạc trông nhau khách bộ-hành.
Trời xanh, cao thẳm, không mây gợn,
Trước cảnh trần-gian đón nhục hình!

Lớp lớp tàu bay bay vút tới,
Nhả bom dậy đất, lệch nghiêng trời:
Lửa bốc tứ tung, mờ mịt khói,
Đá vôi cắt cánh, xác người rơi!
Khu-trục liều thần xưa đuổi cổ,
Phóng-pháo tung hoành ác liệt sao!
Ngang đầu, cao - xạ tung đòn gió,

Phát hỏa phi-cơ lẻ lẻ nhào

X

Dồn dập lên nhanh như nước lũ
Phá đê xâm lấn giải trung-châu.
Chiến-xa thiết-giáp dương rầm rộ
Vượt qua đèo núi, cánh rừng sâu.
Lắm lúc treo leo trên đá chồm,
Nhiều khi ngói ngóp dưới bùn lầy.
Chẳng ngại hào to cùng lũy nhón
Với rào gai, rậm chứa bom đầy.

Trời thẳm, phi-cơ bay hộ vệ,
Pháo-binh hậu tập dọn đường đi.
Chiến-xa công phá hàng chiến-lũy
Nấp dưới cây xanh, ngọn cỏ che.
Cơn bão lửa, mưa gang, thép, sắt
Của địa-lôi, trái-phá, thần-công,
Của lựu-đạn, liên-thanh, đại-bác,
Khét thui xương thịt, đốt thành không!

Biết bao thị-trấn cùng làng mạc,
Chiến-tranh mang lại cảnh điêu tàn?
Bết bao già trẻ chôn vùi xác
Dưới núi than hồng, gạch ngói tan?
Biết bao tác phẩm truyền muôn thừa,
Trần lan ngọn lửa, vết kho tàng?
Biết bao dinh-thự, lầu-đài cổ,
Ngàn năm mất tích bóng huy-hoàng?

X

Trong gió vắng qua tường nát đổ,
Ri rào ngân giọng của thời-gian,
Thấy tiếng ba quân đời thượng-cổ,
Buồn ca thê thảm chốn nhung-tràng!

Trong gió vắng qua tường nát đổ,
Ri rào ngân giọng của không-gian,
Thấy tiếng thần-công, bom lửa nổ,
Giật mình, kinh khủng giấc mơ màng!

MINH-TUYỀN

Mảnh sứ-liệu

Binh pháp nhà Lý được ứng dụng ở nước Tàu

Dối với Tàu xưa, ta thường coi họ bằng con mắt «tăng bốc», nên bất cứ về mặt nào, ta cũng vẫn thường quý Tàu, thích Tàu, ưa bắt chước Tàu: học-hành khoa-cử theo Tàu, quan-chế theo Tàu, điền-chương luật-lệ cũng theo Tàu... Ấy còn chưa kể kiến-trúc theo kiểu tàu, chạm-trổ theo mẫu tàu là khác.

Nhưng, trong khi người mình «sinh Tàu» ấy, thì có cái, chính Tàu lại học lỏm của «An-nam».

Đề chứng thực lời đó, tôi xin trích dịch một đoạn trong mục «Điền-vượng» ở sách «Vấn-Đài Loại Ngữ» do tác-giả Lê-quí-Đôn đã giới-thiệu với chúng ta cái sứ-

liệu ấy:

Tổng-sử chép: «Sái-Điền-Khánh «ngồi» Hoạt-châu, từng vớ được «An-nam hành quân pháp», đem đọc, rồi phỏng theo binh-chế của An-nam. Bộ chia làm chín phủ: quân chinh-binh, tay cung tên, đoàn người ngựa. Các tướng hợp thành trăm đội, chia ra làm bốn bộ: tả, hữu, tiền, hậu. (Mỗi) đội (khi lâm trận) lại có những lối chủ-chiến (đóng lại mà đánh) và thác chiến (mở ra mà đánh) khác nhau. Bộ-kỵ và khí-giới thì mỗi tướng đều đồng nhau. Đề binh mã người Phiên làm đội riêng, tùy theo chỗ họ ở mà chia ra cho phụ-thuộc vào. Số các tướng không bằng

nửa số chinh-binh, cốt đề chế-trị bọn chinh-binh đó. Cho hạng người già yếu đóng ở thành lũy, cứ tùy theo xa gần mà chia tách ra, khiến cho kẻ Phiên, người Hán không lẫn lộn nhau, đề phòng khỏi sinh biến. Vua (Tống) Thần-Tông (1068-1085) lấy làm phải».

Rồi tác-giả «Vấn-Đài Loại Ngữ» bình thêm: «Binh-pháp nhà Lý được Trung-triều (Tàu) lấy dùng là thế đó. Mặt bắc, phá được châu Ung, châu Liêm; mặt nam, bình được Chiêm-thành, Ai-lao; hễ đánh, không đâu không thắng: thật có cái cơ tại vì thế chứ!»

H. B.

Cải-chính

T. T. số 11, tr. 6. c. 3, d. 24: thừa hai chữ «chính nam»; tr. 11, c. 1 d. 20: «Sanh là cầm», sửa là «...chèo-chở»; «saah-tri» (d. 22) nghĩa là «chèo-chở giữ-gìn»; hoa san (d. 40), sửa là hoa sen.

P. N. KHUÊ

Cường lại đau khổ, phấn đấu liên liên, đó là châm ngôn của những người yêu mình, yêu đời, yêu sự sống. Đừng phàn nàn! Đừng mơ-mộng! Vâng mình vào giữa trận tiền. Và phấn-dấu luôn luôn, mãi mãi, lặng lẽ mà gan góc, trầm-tĩnh mà hàng hái. Ngày lại ngày, tiến dần vào cõi sống, sua tan những bong ma, phá đổ các trở lực.....

Trích trong cuốn

NGUỒN SINH LỰC

của P. N. Khuê

Sách in rất đẹp, giá (\$15

Đã có bán ở khắp các hiệu sách



HÀN - THUYỀN XUẤT - BẢN - CỤC

71 Phố Tiền Tsin - Hanoi

ĐỀU MỚI IN LẠI LẦN THỨ 2

SỐ TỬ VI LẬP THÀNH

Dạy lấy số tử-vi không phải tính các Sao — dạy cả cách đoán đã kinh-nghiệm

Giá Op.60

TỬ VI PHỤ ĐOÁN

nổi vào quyền trên — Giá Op.35

của

nhà lấy số tử-vi rất có tiếng là Nguyễn-Phúc-Am, chủ Thiên-Phúc-Đường



Mua buôn tại hiệu sách Đông Tây

195, Phố Hàng Bông — Hanoi

Mua lẻ cả hai quyển giá bằng tem (cờ) cũng được, nhớ thêm tầu cước là Op.20 cho hiệu sách ấy.

Ba-Tur trên bàn cờ quốc-tế

Nhật-Nham

BA-TUR, một nước nhỏ ở miền Cận-đông, tự nhiên chiếm một địa vị quan trọng trên trường quốc-tế: một vịnh dự rất nguy hiểm đến vận-mệnh quốc-gia, một tình trạng có thể trong chốc lát làm cho đất bằng nổi sóng trong một nước bấy lâu vẫn ở ngoài vòng khói lửa với nền trung-lập!

Lúc khởi cuộc Âu-chiến, cách đây ba năm, có ai ngờ Ba-tur sẽ trở nên một địa-lợi cho việc tiến quân của hai bên địch thủ? Thế mà cái không ngờ ấy ngày nay đã thành sự thực.

Từ lâu Ba-tur là trường tranh đấu giữa Nga và Anh để tăng lực-lượng. Thế-kỷ trước, tuy Nga thắng lợi, nhưng từ sau hồi Âu-chiến trước, Anh lại kể chân Nga chiếm quyền lợi trên đất Ba-tur.

Cũng như năm 1907, gần đây Nga và Anh lại gặp nhau trên miền Ba-tur. Nhưng mỗi lần mục đích một khác. Năm 1907, hai cường quốc chia nhau những khu-vực quyền lợi. Còn năm 1941, Anh muốn đem quân qua Ba-tur tiến sang Caucase, quanh hồ Urmian tới Tébris và đường hỏa-xa nối Ba-tur với tỉnh Tiflis, qua miền Azerbeidjan và Arménie. Ngoài ra, Anh muốn vận tải chiến-cụ Hoa-kỳ cho Nga bằng đường xe lửa chạy qua Ba-tur từ vịnh Ba-tur đến bờ Caspienne. Những dự vọng của Anh như thế lẽ tất nhiên là phạm vào nền trung lập của Ba-tur.

Về phần Đức, Đức quyết là Chính phủ Ba-tur không chịu thoái bộ trước sự áp-bức Anh Nga và nếu cần, Ba-tur sẽ sẵn sàng binh-lực để chống lại. Các chính giới Đức rất tin cậy vào thái độ Ba-tur, vì qua Ba-tur rất ít thiện cảm với Anh, cho nên từ ngày tức-vị đã lần lượt tước nhiều quyền lợi của Anh trong xứ Ba-tur. (Như bãi nhà Ngân-hàng sở phiếu và bỏ trưng-thầu các đường điện-tín).

Vì muốn thoát ly thế-lực 2 cường quốc Anh Nga, nên ít lâu nay, tại

Ba-tur rồi lần phong trào bài ngoại. Phong trào bài ngoại này đã làm yếu thế lực Anh và giảm cuộc bành trướng của Nga trên đất Ba-tur.

Ngoài ra, Chính-phủ Ba-tur kết liên với các lân bang để tổ chức một hội-ng nghị 1 lân bang có một tinh thần mạnh mẽ. Trước đây Ba-tur ký hợp ước tương trợ với Afganistan, Irak và Thổ là những nước lân cận, để giữ thắng bằng cân cân chính trị với các đại cường quốc Âu châu.

Sự kết liên ấy, có ảnh hưởng không hay cho Anh và Nga.

Nhưng trái lại, vận mệnh Ba-tur trở nên nguy ngập vì sự đoàn kết Anh Nga!

Thực vậy, trong khối tương trợ, Irak đã về tay Anh, Turkestan đã thuộc quyền Nga, mà Afganistan thì đương ở giữa hai lưỡi kim Anh Nga. Duy chỉ còn Chính-phủ Angora là có thể giúp Ba-tur, theo như các điều khoản hiệp-ước tương trợ, vì Thổ hứa đứng trung lập, lại là một nước tự do và độc lập.

Vì thế, Thổ đương gián tiếp bị ảnh hưởng cuộc áp-bức Anh Nga vào xứ Ba-tur. Thổ không thể lực trong tập hiệp ước đã ký với các nước, để sưu tầm lấy các phương pháp hành động, nếu hầu xử trí một cách chu đáo được.

Thổ đương ở trong một tình-thế khó khăn: nào ký hiệp-ước tương trợ với Ba-tur, nào công-nhiên kết-liên với Anh nào thân thiện với Nga do những giấy ràng buộc từ lâu đời, nào gần đây lại ký hợp-ước bất xâm-phạm với Đức... Bao nhiêu sự « mắc quai » ấy đã làm cho Chính-phủ Angora phải bối rối, khó « há miệng » mà giải quyết được hên trạng ngang ngửa, eo hẹp!

Ngay Đức cũng phải công-nhận Thổ « tiến thoái lưỡng nan »!

Hiện nay, trên đất Thổ, hai thế-lực Anh và Đức đương chĩa-đầu quyết liệt. Đức thì quả quyết thế nào cũng sẽ đánh tới miền Caucase

và khuyên Thổ không nên khuyến-kích Ba-tur hợp tác với Anh-Nga về mặt quân-sự, vì Thổ không những không lợi gì mà lại còn mua thêm một mối ác-cảm với Đức sắp đại thắng trong cuộc đông tiến.

Vì hên thời, Đức không thể giúp Ba-tur một cách hiệu-quả được, nên Đức phải hành động ở Thổ, để bích Thổ hành động với Ba-tur giúp mình.

Tại Bá-linh, người ta không giấu tin: hai Chính-phủ Thổ và Đức trực-tiếp với nhau để tranh luận về việc Ba-tur bị Anh-Nga áp-bức.

Trong khi ấy, Anh-Nga áp-bức Ba-tur càng ngày càng kịch liệt! Tình-thế Ba-tur càng thêm khó khăn!

Anh mượn Ba-tur làm đường giao-thông nối miền Cận-đông; Nga và Ấn-độ Anh cũng dự định lập căn-cứ ở bờ vịnh Ba-tur để chờ chiến-cụ Mỹ cho Nga. Anh mở đường rút lui cho quân Nga trong miền Caucase, phòng Nga thất bại.

Anh đã công bố không khi nào đề yểm cho các tay sai của Chính-phủ Bá-linh tổ chức những cuộc âm-mưu tại Ba-tur.

Hiện thời, Ba-tur bị Anh-Nga uyhiếp không thể trông cậy vào sự giúp đỡ của các nước lân cận. Ba-tur chỉ còn hai vấn-đề giải-quyết; hoặc nhượng-bộ Anh, hoặc theo Đức.

Mục-dịch của Đức trong cuộc chiến-tranh với Liên-bang Xô-viết là chiếm « kho lúa mì » Ukraïne và miền dầu mỏ Caucase. Nếu Ba-tur lo xa một ngày kia quân Đức thắng trận sẽ kéo đến biên-thùy Ba-tur thì Ba-tur có thể phấn kích với sức áp-bức của Anh.

Nhưng Chính-phủ Luân-đôn, đã nhiều kinh nghiệm về việc thất bại do sự trì hoãn lâu còn có thể chờ cho đến lúc bên địch « phồng tay trên », rồi mới hành-động chăng?

Số phận Ba-tur sẽ định trong một thời-gian rất ngắn.. (1) N. N.

(1) Khi báo đã lên máy, thì có tin Anh, Nga đã đánh Ba-tur

TIN VĂN HẰNG TUẦN

Quốc-tế

Anh đã gửi tối-hậu-thư cho Ba-tư. Anh, Nga đã tiến quân đánh vào Ba-tư. Ba-tư cũng huy-đồng quân - đội Quân Đức đã chiếm được tỉnh Tcherkassy. Kinh thành Leongrad đã bị nguy. Nga chỉ còn độ 50 sư-đoàn quân trừ-bị nữa. Quân Lỗ thắt chặt vòng vây quanh Odessa. Thái-lan đã tuyên bố đứng trung lập và cải-chỉnh tin đồn Anh và Nhật đình uy hiếp Thái.

Nhều căn-ừ không quân đương xây ở xứ Maine làm nơi khởi-bình cho các phi cơ gửi sang giúp Anh.

Juillet 1941 Hoa-kỳ sản-xuất được 1160 phi cơ Juliet 1940, có 577 phi cơ của Hoa-kỳ s' n ra.

Tại Hoa-kỳ, chính-phủ tích-trữ lương-thực

Tàu Na-uy, treo cờ Anh, chở dầu, bị hai tàu ngầm đánh đắm vùng Canaries

Đô-đốc Daila được cử giữ bộ quốc phòng Pháp.

Quốc-trưởng Pétain đã đọc một bài diễn-văn quan-trọng nói về việc cải tạo nước Pháp.

Nhân ngày kỷ niệm cuộc chiến-tranh ở Thuỵ-sĩ có xảy nhiều cuộc âm-mưu.

Tổng-thống Hoa-kỳ Roosevelt có cuộc hội-kết bí-mật với thủ-tướng Anh, Churchill.

Ngày 14 Août 1941, từ tỉnh Los Angelès, một chiếc tàu Mỹ chở dầu khởi-hành sang Hải-sâm-Uy giúp Nga.

Chính-phủ Anh cấm xuất-cảng

các hóa-phẩm sang Nhật, Cao-ly và các xứ thuộc Nhật cai-trị.

Chính-phủ Mỹ dự-định lập một bến to tại hải-cảng Nữu-uớc, để dùng tải quân đi nơi khác.

Từ nay đến cuối năm, có 1400 phi-cơ Úc sẽ dùng vào việc chiến-tranh.

Ông Paul Sabatier, ở viện hàn-lâm khoa-học Toulouse, được giải thưởng Nobel (năm 1912), mới chết, họ 87 tuổi. Vì ông có công trong sự nghiên-cứu hóa-học, nên được dân Toulouse kỷ-niệm.

Anh đã tăng-trữ nhiều lương-thực đủ nuôi dân và quân-lính, trong khi nếu Anh bị Đức đồ-bộ.

12 người Mỹ bị chết vì nạn máy bay tại Anh.

Nga và Ba-lan đã ký hiệp-ước bình-bị

Úc và Nhật đã tuyệt-giao. Chiếc tàu Nhật Kasima Maru đã dời bến Sydney với 100 người Nhật.

50 cộng-sản bị sử giảo nhiều người bị bắn sau cuộc âm-mưu phá chiếc ô-tô nhà binh của Đức. Dân tòng-phạm về việc này ngụ trong làng, làng đều bị triệt-hạ.

Hoa-kỳ tăng sản-xuất-lực dầu mỏ tại các xưởng lọc dầu, để giúp Anh và Nga.

Phi-cơ Đức phá cửa sông Staline. Một tàu Nga đậu tại đó phát hỏa và đắm.

5 tàu ngầm Nga bị đắm tại Hắc-hải.

Đức lại sắp ký thương-ước với Thổ.

Hội-nghị Anh-Mỹ-Nga sẽ họp tại Mạc-tư-khoa.

Tướng-giới-Thạch sẽ sang Nga để dự hội-nghị ấy.

Nga ném bom xuống Bá-linh và Stettin cùng miền lân-cận tại Đức.

Tại Pháp, có sắc lệnh hạn đến 15 Septembre 1941, những người Do-thái không được giữ một nghề-nghiệp gì đã cấm họ làm.

Một viên kỹ-sư trẻ tuổi đương thí-nghiệm sáng-clế ra một chiếc

xe hơi chạy bằng điện.

Nước Bulgarie sản-giã dầu hốt thuốc lá có tỉ lệ ăn được. 2500.000 lít dầu mất 8 000 tấn hốt thuốc lá.

Anh tuyên 100.000 lính phụ-nữ dùng vào hải, lục, không-quân.

Tại Úc, cũng thành-lập một sư-đoàn phụ-nữ đề tự-vệ.

Nga-Anh đã ký hiệp-ước thương-mại.

Tại Mạc-tư-khoa, có một cái hầm Staline để tránh bom và hơi ngạt.

Ý lập các nơi kỹ-nghệ để chế các phi-cơ có tốc lực giúp Đức.

Người Đức, Kuebler đi nhanh 20 phút 3 ly được 5 cây số, chiếm giải quán-quân thế-giới.

Tại dinh Uông-tinh-Vệ, có cuộc rối-loạn: 4 người chết!

Đông-Dương

Chính-phủ Đông-dương cải-chỉnh không hề có quân đóng ở biên-giới Đông-dương để giúp quân Nhật đánh Tàu.

Có lẽ Tùng-Cương, nguyên ngai-giao tổng-trưởng Nhật, được cử làm ủy-viên Chính-phủ Nhật tại Đông-dương.

Sắc-lệnh 6 Juillet 1941, cấm in, lưu-hành các bài hát có tính-cách cộng-sản.

Cách gửi thư

Tiếp theo trang 11

ngoài đường làm làm đều chương mắt, ngang tai: hoặc vào nhà trọ làm âm ỹ, hoặc vào làng-xóm bắt chức-dịch cung-ứng, hoặc hống-hếch khi qua đồ. Cho nên, mỗi khi có lính trạm qua hạt nào, thì dân hạt ấy bị quấy-nhiều rất khó chịu! Các nhà cầm quyền tuy có biết nhưng có khi cũng làm ngơ đi.

Ngày nay việc thư-tín thật là tiện-tiếp hơn trước nhiều lắm, vì đường giao-thông tiện-lợi, cách thông-tin mau chóng, xa đến đâu cũng gửi được điện tín thơ-từ giấy má, lại nhờ khoa học phát-minh, chẳng những rõ được tin-lức trong xứ mình, lại còn biết được cả tin các nước ngoài nữa.

TIÊN-ĐÀM

Số đặc biệt về đức Trần-Hưng-Đạo, các độc giả có những tài liệu gì về ngài xin gửi cho, bản-chỉ rất hoan nghênh và sẽ có báo gửi biếu.

NGUYỄN-HOÀNG-ĐỨC

(1748 — 1819)

II

NGUỖN - HOÀNG - ĐỨC đi được đến Vọng-các thì Nguyễn-vương đã trở về Gia-định rồi. Vua Tiêm muốn lưu Hoàng-Đức ở lại Vọng-các, song ông quyết chí chết thì thôi chứ không chịu ở lại. Ông thuật hết các việc gian-nan vất-vả trong khi đi tìm chúa cho vua Tiêm nghe. Ông vừa nói vừa hăm hăm tỏ sắc mặt tức-giận và thò ra một cục máu.

Thấy ông trung-nghĩa như thế, vua Tiêm cũng phải đem lòng kính nể, đặt tước tể-hàn, rồi cấp cho binh thuyền đưa ông về Gia-định.

Hoàng-Đức vào bái-yết vua Nguyễn. Ngài rất vui vẻ, cảm-động mà phán rằng: « Người đã nhiều phen có công cứu tinh-mệnh ta, nay người lại tìm được về với ta thế này, thì cũng là Trời xui khiến, nên ta mới lại gặp người... » Rồi phong cho Đức làm khâm-sai chưởng-cơ quân trang-chi tướng-sĩ. Năm ấy Hoàng Đức đã 43 tuổi.

Năm Canh-tuất (1790), Hoàng-Đức được thăng quân Hữu-quân-dinh. Mùa thu năm ấy, Lê-văn-Quân bị vây ở Phan-lý, Hoàng-Đức cùng Nguyễn-văn-Trương và Võ-Tấn phụng mạng đem quân đi giải vây, đánh tan được quân địch.

Năm Nhâm-tý (1792), đại-binh tiến đánh Thi-nại, Hoàng-Đức cùng với quan Tân-ly, tên là Chiên, an-thu Ba-riá, sau lại tiến đánh Phố-hai; quân địch phải bỏ đồn chạy.

Nam Quý-sửu (1793), Đức phụng mạng đốc quân đi Quang-hóa vào rừng đốn gỗ về để đóng chiến-thuyền. Khi về, được thăng Khâm-sai chưởng Hữu-quân-dinh Bình-tây phó tướng-quân, rồi cùng Tôn-tuất-Hội và Nguyễn-văn-Thành đem

bộ binh ra đánh Phan-ly, tiến phá được Bình-thuận, thừa thắng kéo thẳng đến Qui-nhơn, hội với thủy-quân, giàn trận vây thành. Nguyễn-Nhạc phải cho ra Phú-xuân xin binh cứu-viện. Quang-Toản liền cho đại-binh vào cứu. Nguyễn-vương thấy viện-binh của Tây-sơn kéo đến, biết thế đồ-địch vô ích, nên rút quân về Diên-khanh (tức là Khánh-hòa) rồi về Gia-định sau khi để Nguyễn-văn-Thành ở lại giữ Diên-khanh và Nguyễn-hoàng-Đức giữ Bình-thuận.

Sau, Trần-quang-Điền bên Tây-sơn đem đại-binh đến vây thành Diên-khanh, lại cho quân đến chặn đường cứu-viện ở Bình-thuận.

Nguyễn-vương nghe tin báo lên sai Nguyễn-văn-Thành đem 3.000 quân giữ thành Bình-thuận. Thành thấy quân ít, không dám đi. Đức nói rằng: « Có 3.000 tinh-binh cũng đã có thể hoành hành được cả thiên-hạ. Một trấn Bình-thuận nhỏ mọn kia làm gì mà giữ không nổi? » Nguyễn-vương bèn phái Đức đi đàn và sai Thành theo giúp.

Khi đến Phan-ly, bị tướng của Tây-sơn là Lê-Trung chặn đường hẻm không cho tiến lên, Đức phải lui về Phố-hai, rồi nhân lương thực không tiếp ứng được nữa, lại phải rút về Ba-riá.

Nguyễn-vương được tin, nổi giận mà rằng: « Quan còn nguyên cả, nghe thấy giặc mạnh đã phải lui, sao mà nhất gan thế! » Ngài bèn lấy lại cả quan, rồi sai ông theo Tôn-tuất-Hội đi đánh Tây-sơn để chuộc tội.

Nam Bình-thìn (1796), Nguyễn-vương lại thăng cho Hoàng-Đức lên Khâm-sai chưởng Hữu-quân Bình-tây tướng-quân và đề trấn đất Diên-khanh. Đến năm sau (Đinh-tị,

1797), đại-binh lại ra đánh Qui-nhơn, tiến đóng Cù-huân. Hoàng-Đức theo Nguyễn-vương đi chinh, chiến tiến đến Quảng-nam, rồi với Nguyễn-văn-Thành cùng lưu lại giữ Phú-yên.

Nam Mậu-ngọ (1798) nước Tiêm-la lại bị quân D-điện sang xâm-lấn. Vua Tiêm sai sứ sang ta cầu-cứu. Bấy giờ Nguyễn-vương đang ở tại Gia-định, tướng đến ơn cũ của Tiêm, bèn sai Hoàng-Đức và Nguyễn-văn-Trương đem thủy-quân sang cứu-viện. Khi quân ta mới đến đảo Côn-lôn, được tin quân Diên-điện đã lui, Nguyễn-văn-Trương lại đem hết thủy-quân trở về Gia-định. Còn Hoàng-Đức thì đi luôn sang Tiêm, vì còn phải mang quốc-thư sang giao-hiệu.

Bấy giờ tình-thế quân địch đã suy-nhược. Tháng 3 năm Kỷ-mùi (1799), vua Nguyễn lại cử binh đi đánh Qui-nhơn. Tháng 4, thủy-quân nhà Nguyễn đã vào cửa Thi-nại, vua sai Hậu-quân Võ-Tánh, Hữu-quân Nguyễn-Hoàng-Đức đem binh lên bộ đóng ở Trúc-khê. Ngay lúc bấy giờ, Khâm-sai Tiền-quân chưởng-cơ Nguyễn-văn-Thành đem bộ binh ra đánh Phú-yên, rồi tiến lên tiếp-ứng cho toàn quân Võ-Tánh đánh quân địch ở Thi-dã và cầu Tân-an. Mấy trận này, quân Nguyễn toàn thắng.

Năm ấy (1799), Hoàng-Đức đã ngoài 50 tuổi.

Sau khi hạ thành Qui-nhơn, vua Nguyễn sai Hoàng-Đức và Võ-Tánh về giữ trật tự, sửa sang Trấn-định và Mỹ-tho.

Năm Canh-thân (1800), khi thành Qui-nhơn lại bị vây hãm, thì Hoàng-Đức đóng quân ở Cù-mông để đi giải vây.

Sang đến mùa thu năm Tân-dậu (1801), khi quân Nguyễn đã khắc phục được thành Phú-xuân, thì Hoàng-Đức phụng mạng quản lĩnh tất cả binh thuyền đóng giữ cửa Thi-nại.

Năm Nhâm-tuất, Gia-long nguyên niên (1802), đức Thế-Tổ phong cho

Hoàng-Đức tước quận-công, sai đi trấn-thủ thành Bình-định và giữ chức Tiền-quân thay Nguyễn-văn-Thành.

Năm Gia-long thứ 9 (1810), Hoàng-Đức làm tổng-trấn Bắc-thành, hiệu lệnh rất nghiêm; ai ai cũng phải nể-phục.

Năm Gia-long thứ 11 (1812), Hoàng-Đức về kinh, dự lễ ninh-lăng quốc mẫu là Hiếu-Khuông hoàng-hậu. Đức Thế-Tổ lại thăng cho làm Khâm-sai chưởng Tiền-quân và lại sai ra làm tổng-trấn ngoài Bắc.

Năm Gia-long thứ 14 (1815), Hoàng-Đức xin về nghỉ giả hạn tại Gia-định. Khi về đến Bình-định, ông bị bệnh trầm trọng. Đức Thế-Tổ bèn cho trung-sư vào thăm và cho ở lại đến khi khỏi hẳn hay về. Sau khi bình phục, Hoàng-Đức lại tiến Kinh.

Năm Gia-long thứ 15 (1816), đức Thế-tổ lại cho Hoàng-Đức vào làm Tổng-trấn Gia-định thay Lê-văn-Duyệt. Ông sợ không đương nổi trọng trách, xin thêm người giúp thì ngài cho Trịnh-hoài-Đức vào làm Hiệp tổng-trấn.

Năm 70 tuổi, thấy mình già sức yếu, Hoàng-Đức bèn lập sẵn sinh-phần và từ-đường ở làng Khánh-hậu.

Ngày mồng 9 tháng 9 năm Kỷ-mão (1819), Đức mất, thọ 72 tuổi.

Hộp thư

Ô Thạch-hồ-Khách (Nam-kỳ).— Đã tiếp dạng thư và bài của tiên-sinh Đa tạ.

Ô Tam-Gia (Hải-phòng).— Xin cảm ơn tiên-sinh đã gửi cho bài Q. T. và N.H.C.C. Đã nhận được thư của tôi chưa? — H. B.

Ô Quách-Thanh Gò Công — Đã gửi đủ bộ từ 1 đến 9 rồi. Nếu đến nay ông vẫn không tiếp được thì xin cho biết để nhà báo làm giấy hỏi sở bưu điện.

Một đạo gia ở Sơn-la — Bản báo có tiếp được cái mandat số 189 (2 p. 80) đề 14 8 mua ở Sơn-la, trong mandat không thấy đề tên ai, vậy vị nào đã gửi mandat ấy xin cho biết để tiện việc sổ sách.

Qua chưởng Hữu-quân Nguyễn Văn-Nhân vào thay làm tổng trấn thành Gia-định.

Đức Cao-Hoàng được tin, thương tiếc vô cùng, bèn xuống chiếu chỉ cho tất cả các quan trong trào, ngoài trấn và các dinh đều phải mặc áo trắng đi đưa đám. Các quan tỉnh và nha-môn đều phải cư tang ba ngày.

Nhà vua truy tặng cho ông là: « *Dag trung đức vận công thần, dấy tuen phụ quốc thượng tướng-quân, thượng trụ quốc, thái-phó quận-công, thụy Trung-Nghị* ». Lại sai các quan ở trấn Định-tướng phải về tận làng tế.

Năm sau, Minh-mạng nguyên niên (1820), ông được thờ tại miếu Trung hưng công thần.

Năm Minh-mạng thứ 5 (1824), ông được tòng tự tại hai miếu và đều năm thứ 12 (1831), được truy tặng là *Kiến-xương quận-công*.

Ông sinh ra được 4 người con gái là: Lang, Thanh, Nhiên và Thỏa.

Năm Gia long thứ 17 (1818), đức Cao-Hoàng gả công-chúa Ngọc-Châu cho Lang. Năm Minh-mạng thứ 5, Lang mất, tang tại Phú-xuan (Thừa-thiên).

Đến năm Minh-mạng thứ 10 (1829), đức Thành-lô gả công-chúa Ngọc-Cơ là con gái thứ 13 đức Cao-Hoàng cho Thanh. Được 3 năm, Thanh mất, cũng được táng tại làng Đồng-xuân (gần Huế). Hiện còn đền thờ Ngọc-Cơ và Thanh ở Thừa-Thiên.

Nhiên làm đến chức Chu-quân phó vệ-úy. Thỏa làm Tiền-phong dinh phó vệ-úy.

Sau, Nhiên và Thỏa đều có tội, không được làm quan nữa.

Con của Thành tên là Kim, năm Tự-Đức thứ tư (1851), nối tước của ông, được phong là Kiến-xương-từ, coi việc thờ tự.

Hoàng Đức lại còn một người con nuôi là Nguyễn đình - Phò, nam Giáp-dần (1824), được đức Minh-mạng cho làm Ninh-Thái tổng-đốc, tức là tổng-đốc Thái-nguyên và Bắc-nh.

HEI

NGUYỄN TRIỆU

Sách mới

« Chúng tôi vừa nhận được một cuốn sách rất hay, nhan đề là: « *Témoignages* », do mấy nhà thanh-niên tri-thức Việt-nam soạn. Các tác-giả đã đem hết tài-năng và lòng thành-thực của mình để dẫn giải cái nhiệm-vụ của phái thượng lưu tri-thức đối với nước Pháp.

« Bản Báo xin có lời cảm ơn.

« Sách bán ở hiệu Taupin Hanoi, « giá: 0 p. 20 ».

Chúng tôi lại nhận được:

Nguồn sinh lực (Quyển thứ II trong bộ « sức khỏe mới » của ông P. N. Khuê, do Hàn-Thuyên 71 phố Tien-Tsin Hanoi xuất-bản. Sách giấy 118 trang, giá mỗi cuốn 0 p. 45

Xin hãy nán chờ...

Vì mấy kỳ này nhiều bài, nên « *Mẹo tiếng ta* » và « *Việt-nam văn-học sử* » phải tạm gác. Xin các bạn đọc hãy nán chờ-đợi. Đa-tạ.

Một số đặc-san về đời Trần sẽ ra mắt các bạn vào khoảng tháng tám âm - lịch

Nhân ngày 20 tháng tám ta (10 Octobre 1941) là ngày kỷ-niệm đức Trần Hưng-Đạo ở đền Kiếp-bạc, TRI-TÂN sẽ ra một số đặc-san chuyên khảo về đời Trần: từ võ-công, văn-học đến danh-nhân, lương-tướng cùng là chế-độ nội-trị, trạng-thái kinh-tế luôn với hế-lực Phật-giáo ở đời Trần thế nào, nhất nhất trình bày trước mắt các bạn làm cho một mẫu lịch-sử dĩ-vãng sẽ sống lại với chúng-ta nay.

Các bạn yêu lịch-sử xin làm ơn góp tài liệu với chúng tôi để số đặc-san về đời Trần ấy có thể huộm hẳn màu sắc một triều đại

Từ kỳ sau, Tri-Tân sẽ tuyên bố dần các bài vở về số đặc-san ấy

T. T.

Góp vui

MỘT NHÀ ĐẠO-SĨ

HÀN là một nhà lịch-thiệp, tính thích quăng giao. Thu là người ở cùng phố thường hay đến chè chén với Hàn. Một hôm, hai người đang hội họp thì một nhà đạo sĩ, tay rùng cái bát đồng, đi qua cửa. Người nhà ném cho đạo sĩ tiền và cơm, nhưng hắn không lấy và cứ đứng lại. Những đầy tớ tức mình trở vào, mặc thầy hắn. Nhưng Hàn nghe thấy tiếng cãi-cọ, hỏi người nhà xem chuyện gì; người nhà kể lại cho ông nghe. Ngay lúc bấy giờ, đạo sĩ đã vào đến nơi. Hàn mời đạo sĩ ngồi. Đạo sĩ lấy tay ra hiệu chào chủ và khách, rồi giải tọa. Hỏi ra mới biết đạo sĩ ở một cái đền đã đổ nát, về xóm đông.

Hàn hỏi :

— Đạo sĩ lên trụ-trì trên ấy tự bao giờ? Bấy nay tôi không biết, thành thử không lên thăm đạo sĩ, xin người lượng thứ.

Đạo sĩ giả nhời :

— Tôi ở nơi thôn-ở, không giao thiệp với ai, nay nghe tiếng ngài là người hào-hiệp, nên tôi vẫn ước ao được ngài tiếp.

Hàn sai người nhà lấy chén mời đạo sĩ uống rượu thì thấy đạo sĩ uống giỏi nhất hạng.

Thu thấy đạo sĩ ăn mặc rách-rưới, có ý khinh, vì Thu hơi kiêu-ngạo; nhưng Hàn thì hết sức khoản-dãi đạo sĩ. Đạo sĩ uống một hồi hơn hai mươi chén rượu rồi xin đi.

Từ bấy giờ, tiệc nào cũng có đạo sĩ. Mời ăn thì hắn ăn, mời uống thì hắn uống. Sau, chính Hàn thấy hắn ta sỗ-sàng như vậy cũng phiền lợng.

Một hôm, đương yến tiệc, muốn rieu đạo sĩ, Thu noi :

— Chúng tôi mời đạo sĩ chè chén đã nhiều lần, đạo sĩ cũng mời lại chúng tôi một lần chứ?

Đạo sĩ mỉm cười giả nhời :

— Tôi cũng như ông chỉ vật mũi đủ đút miệng.

Thu ngượng, không biết giả nhời ra sao. Đạo sĩ nói tiếp :

— Tuy-nhiên, tôi cũng vẫn thành tâm muốn mời hai ông đã lâu. Ta phải họp nhau một hôm chứ! Tôi sẽ cố kiếm lấy vài chén thanh-thủy để hiến các ông.

Khi đứng ra về, đạo sĩ hẹn đến trưa hôm sau thì hội-họp.

Hai ông kia thấy đạo sĩ hứa thế, lấy làm hoài nghi; nhưng, hôm sau, thấy đạo sĩ chờ ở ngoài đường. Hai người vào trong một cái thành, tường mới xây, lầu-dài san-sát như mây, có ý ngạc-nhiên.

— Đã lâu chúng tôi không đến đây. Những đền đài này sửa-sang lại tự bao giờ?

— Chưa bao lâu!

Khi vào trong, thấy nhà cửa lịch-sự mà những nhà giàu - có nhất chưa từng sánh kịp, hai người rất ngợi khen. Vừa ngồi thì mười sáu tên tiểu-dồng mặc áo thêu, đi giày đỏ, ra hầu rượu. Thức ăn toàn là trân cam mỹ vị, không thiếu một thứ gì. Rồi một tên tiểu-dồng khác mời các thứ quả quí, chưa ai trông thấy bao giờ bày vào những đĩa ngọc và đặt ở trên bàn những chén thủy-tinh lớn. Đạo sĩ bảo : « Gọi các nương nương ra đây! »

Tiểu đồng đi ra. Một lát sau,

hai thiếu-nữ vào : một người thanh-tú và rông-rồng cao như cây liễu, một người nhỏ-nhắn đương độ đào tơ.

Cả hai cô cùng yểu-diệu, sắc-sảo Đạo sĩ bảo hai cô hát để mời rượu. Cô bé gõ dip và hát; cô lớn thổi sáo họa theo, tiếng sáo nghe du-dương trong-trẻo.

Khi hai cô hát và thổi sáo xong, đạo sĩ lấy một cái cốc và mấy lần ép hai cô uống rượu. Đoạn, đạo sĩ hỏi hai cô bấy nay còn biết múa không. Tức thời những tên tiểu-dồng giải thảm xuống đất và các thiếu-nữ nhảy múa, áo dài tha-thướt, bay phấp-phới trên mặt đất, hương thơm như mây tuôn, ngào ngạt chung quanh mình. Sau các cô đứng dựa vào cái bình-phong sơn thêu.

Hàn và Thu đã ngà-ngà say, nên thấy quả tim như nở to, hồn vía như bay hồng. Còn đạo sĩ chẳng để ý đến khách, uống cạn cốc rượu, rồi đứng dậy bảo khách rằng :

— Xin các ngài cứ chón tư do một lát, tôi ra nghỉ rồi lại vào.

Tức thời đạo sĩ ra sai người nhà kê một cái giường khảm ở sát tường phía nam. Các thiếu-nữ cởi áo cánh thêu ra và lấy áo phe-nhảy cho đạo sĩ ngủ. Rồi đạo sĩ bảo cô lớn nằm cạnh, truyền cho cô bé đứng ở cạnh giường như một thị-tỳ chực sẵn để thừa sai.

Hai ông khách trông thấy thế, không thể điềm-nhiên được. Thu kêu to lên rằng : « Nom đạo sĩ quả chướng mắt quá! » Thu muốn cho đạo sĩ một bài học để sau chừa.

Tức khắc đạo sĩ đứng dậy và đi biệt. Trông thấy cô bé đứng ở cạnh giường, Thu đương say rượu, kéo vào giường ở phía bắc

Xem tiếp trang 20

TẠP TRỞ

Tranh giải quán-quân... quét nhà!

MẤY năm trước đây, báo Miroir des Sports (Thế-Thao Kính) có đăng cái tin sau này :

Ở bên Mỹ, người ta thường đặt ra những cuộc thi về công-việc nội trợ cho các bà nội-tướng bên Tân-bán-cầu.

Một lần kia, trong chương-trình thi có một cuộc thi quét nhà. Người ta sửa soạn sẵn những gian nhà con con rộng đều nhau, ở mặt đất đã đồ đầy ra những bụi và cát. Mỗi bà dự thi được hội-đồng phát cho một cái chổi, và phải quét sạch một gian buồng. Một tiếng còi huýt, các bà thi nhau bắt tay vào quét; hễ bà nào quét xong trước thì là được giải.

Liều kết, một bà tên là W... quét xong trước hết, mà lại nhanh hơn các bà khác những mấy phút đồng hồ. Bà được chiếm giải quán quân quét và còn thêm được Hội-đồng sát bịch khen-ngợi nữa.

Ông Chánh Hội-đồng nói :

— Bà quét nhanh lắm; chắc là ở nhà bà quét trước nhà cửa sạch sẽ lắm thì phải. Ông W... thực là người đại có phước!

Bà W..., lúc ấy người đầy bụi bặm, mặt mày mồ hôi nhễ-nhại, sẽ nhún vai và đáp rằng :

— Thưa quan Chánh Hội-đồng, ở nhà, tôi có phải cầm đến cái chổi bao giờ đâu! Tôi đã có mua một cái máy hút bụi chạy bằng điện (aspirateur électrique), và đã có chồng tôi mó tay vào!

●

Việc làm ở chỗ công chúng cho mọi người thấy, và việc làm hằng ngày ở xó nhà không ai thấy, thường vẫn trái nhau.

CÁCH-CHI

Một nền giáo-dục

(Tiếp theo trang 8)

« Những phương-tiện phụ » tác giả kê ra như sau này : đả-đảo văn mơ-mộng, văn khiêu-dâm, văn kiếm-hiệp và văn trào-phúng vô-ý-thức; kiểm- duyệt rất nghiêm-ngặt những phim chiếu bóng và những bản tuồng kịch bất chước của phim chiếu bóng; gây ra trong gia đình một bầu không-khí hòa vui và êm-ấm; lập ra hội phụ-buynh học-sinh và hội nhi-đồng; đánh thức các nhà giáo-dục, v...v... Tựa trung cũng đã có một vài phương-tiện được đem ra thực hành rồi, như cấm xuất-bản những sách khiêu-dâm, khuyến-khích hồi lo cho các trẻ đi nghỉ mát; hội trao-đổi học-sinh trong tam kỳ, v...v...

Trong chương VII, tác giả chỉ bàn qua về « phụ-nữ giáo-dục » vì đó là « một vấn-đề phiền-phức phải giải-quyết riêng trong một cuốn sách khác » (trang 128). Chúng tôi rất mong cuốn sách ích lợi ấy chóng ra đời.

Trước khi chấm hết, tác-giả có cái nguyện-vọng rằng « những lời thành-thiết » của ông « được lọt vào tai những đồng-bào biết nghe, biết nghĩ, và biết cảm, để ai nấy, trong phạm-vi của mình, sẽ đồng lao cộng tác vào việc « làm lại » cái thể-hệ thiếu-niên hiện-tại và rèn-đúc trước lấy lớp người lớn mai sau cho Việt-nam tồ-quốc. »

Chúng tôi tin rằng « Một nền giáo-dục Việt-nam mới » của ông Thái-Phỉ sẽ có một ảnh-hưởng rất tốt trong các giới. Các bậc phụ-huynh nên đọc và ngẫm-nghĩ những lời thành-thiết ấy. Chúng tôi lại mong rằng các bạn độc-giả sẽ vui lòng cho biết ý-kiến, hòng gây nên một mối dư-luận

chính-đáng, không phải là không có ích cho tương-lai đất nước vậy. Như lời cụ Nguyễn-Bá-Học đã nói năm xưa : « Cái trách-nhiệm ngày nay ở bọn thiếu-niên, thiếu-niên hay thì nước hay, thiếu-niên hèn thì nước hèn, thiếu-niên già thì nước già, thiếu-niên trẻ thì nước trẻ, thiếu-niên thịnh thì nước thịnh, thiếu-niên suy thì nước suy, ... thiếu-niên vinh thì nước vinh, thiếu-niên nhục thì nước nhục. Như mặt trời mới mọc, như vầng trăng mới tròn, như cánh hồng thuận gió, như hoa hồng đương non, ấy cái vinh-hạnh tiền-đồ của bọn thiếu-niên đấy »

Hội-thống Vũ-văn-Lợi

Một nhà đạo-sĩ

Tiếp theo trang 19

và đường-hoàng ôm vào trong lòng, lớn tiếng bảo bạn rằng :

— Sáo anh còn e-lệ mãi thế?

Hắn lại gần cái giường cô kia nằm, cô ta đương ngủ say, hắn lay không thấy động dậy; hắn quàng tay ôm chặt lấy cô ta.

Giời sáng, giấc mộng say-sưa tan. Hắn nhận ra rằng mình ôm chặt một vật gì lạnh giá : một hòn gạch dài! Hòn gạch ấy trước kia nằm ở rìa bức thềm. Hắn thấy Thu còn đương ngủ, liền gối lên cái ghế đá, nằm yên ở giữa cái quán đã đồ nát.

Hắn đá Thu một cái để đánh thức dậy. Rồi hai người ngo-ngác sợ hãi, nhìn chung quanh mình, chỉ thấy những nếp nhà bỏ hoang, những phòng đồ nát.

Kính-thần Vũ văn Lễ

dịch thuật

Thành Đồ - bàn

Tiếp theo trang 4

dần dà ngoài cửa bể Thi-nại, không nỡ bỏ đi. Hai ông kiểm người đề dâng mặt-biểu cho vua, trong biểu nói rõ tình thế không-hư của kinh-đô bên địch và bày kế tấn-thủ. Lúc ấy có vợ quan Tri bộ Phan-văn-Vấn là Nguyên-thị xin đi. Ai ngờ bị Tây-sơn bắt đặng, nàng ấy nhẩy xuống sông tự tử. Hai ông lại mặt sai Cai-đội lên đem đi, may thông đặng, vua kéo đại binh ra Phú-xuân.

Lúc ấy, trong thành hết lương.

Võ-công mới nói với Ngô-công rằng: « Sự thế ngày nay đã gấp rồi, khó duy-trì được nữa. Tôi là chức trách khốn-soái, phải chết theo với thành. Còn ông là văn-quan, nên làm thế nào mà bảo toàn tính-mệnh sinh linh, để đợi Cao-hoàng ta trong khi gặp-gỡ ». Ngô-công trả lời rằng: « Thành còn, ta còn với nhau; thành mất, ta mất với nhau; văn võ cũng thân từ cả. Tôi lòng nào mà sống soi lại một mình! » Nói dứt lời, bèn trở về tư-thự, uống thuốc độc chết. Võ-công nghe tin Ngô-công chết rồi, bèn trở ra lầu Bát-giác, sửa soạn áo mào trình-tề, day mặt lay về Bắc-khuyet, rồi cũng tự đốt ma chết. Lúc ấy vào ngày 20 tháng 5 năm Tân-dậu. (Xin coi lại Tri-Tân 10 truyện Ngô-tông-Chu).

Khi vua Cao-noang đã lấy đặng nh-đô Phú-xuân rồi, mới đem binh trở về cư-viện, thì hai ông đã tuấn-tiết hết cả rồi! Vua mới ở ra nền cũ lầu Bát-giác, tự tóm

đá lại làm mộ ông Võ-công, một bên lại phụ thêm một mộ nữa, là mộ ông Tùng-bộc đã liều mình mà chết theo với ông Võ. Phía trước thì cất đền Hiền-trung, để thờ hai ông và trệu vong tướng sĩ, cho rõ danh bất hủ về sau.

Từ năm Nhâm-tuất về sau, dinh trấn đều còn y nơi thành ấy cả. Đến năm Gia-long thứ 13, mới phá thành ấy đi mà dời vô địa phận làng Kim-châu và làng An-ngãi, tức là tỉnh thành Bình-định bây giờ.

Thành này ngoài xây đá ong, trong đắp đất, cao một trượng một thước, chu-vi 612 trượng, một thước, tám tấc, trên mặt day hai trượng, rộng 7 trượng 5 thước, sâu 5 thước. Đông, tây, nam 3 mặt đều có cửa. Lòng cửa cao một trượng, tám tấc, rộng 8 thước, 4 tấc. Ngoài cửa xây cầu đá ngang qua hồ, dài 7 trượng 5 thước, rộng một trượng, 5 thước, 4 tấc. Ngoài cầu, có cửa Yên-môn, che khuất Yên-luy, cũng ngoài xây đá ong trong đắp đất, cao một trượng, móng rộng 2 trượng. Lại có làm lên cửa khuc-môn ở ngoài, chung quanh cũng đào hào, tiếp với hào bên trong.

Trong thành bốn mặt, chính giữa đều có đắp thổ-sơn, đặt phao-đai. Trong phao-đai, phía nam thì có kỳ-đài, trong kỳ-đài thì có Hanh-cung. Sau Hanh-cung, có dinh quan Đốc-bộ ở giữa, dinh Phiên, dinh Nét ở hai bên.

Cách-thức cung điện y như kiểu Tây-sơn, nhưng về phần tốt đẹp và hùng-dũng thì hơn tất cả mấy tỉnh khác.

Sau dinh Đốc-bộ thì có kho Định-

thành. Sau kho thì nhà ngục thất. Còn trong cửa nam thì có lầu tượng để nuôi voi. Trong cửa đông, cửa tây thì có nhà quân-xá để lính ở. Trước quân-xá thì có dinh quan Lãnh-binh.

Tất cả trong thành, ngõ đường từ phía, ngang dọc thông nhau, chế-độ vào lúc thái-bình, rõ là tốt đẹp. Lại còn phía ngoài thành, có đắp thêm một thành đất nữa, gọi là Dương-mã thành, thông trường đến 714 trượng, cao 3 thước, 5 tấc, dưới chân rộng một trượng.

Cách thành phía tây bắc một dặm có đàn Xã-tác để tế Trời, đông tây hai bên có đàn Sơn-xuyên để tế thần Núi Sông. Lại dưới phía đông là nha Học-chánh. Còn cách phía nam một dặm thì có Trường thi. Cách thức sắp đặt lầu-các trong ngoài thật là một nơi cự-trấn ở vào cõi nam-thùỵ.

Tự trăm năm đổ lại, vương-khi chung kết vào ấy tất cả. Rừng thành cũ Đồ-bàn ngày càng hiu quanh. Đến nay, leo lên gò cao, mà ngó chung quanh, nghĩ việc đã qua rồi, càng thêm chán-tưởng: Nào là núi Kim sơn ở phía tây, tháp Cảnh-tiền che phía đông, lam-tháp triều phía nam, Tháp-tháp hộ phía bắc, cùng với ao Tràng, giong Tền hồ Lành, đầm Ngát, non nước bốn bề đều y nguyên cả. Còn người ngày trước chiếm cứ lấy chỗ ấy để xưng hùng nay nào thấy đâu? Chỉ thấy ruộng cật đền Hiền-trung, giữ thành chơi-lội, Tòng-phu bóng rợp, trở đầu hơi thơm, khiến cho người chiêm-ngưỡng ai chẳng đem lòng kính mến.

BUI VĂN LĂNG

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MÀU
RAT HỢP THỜI TRANG

Mua buôn, xin hỏi hăng dặt:

IPHUC - LAM

87 - 89, ROUTE DE HUÉ HANOI -- Tél. N°: 974

TIÊU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 11

MỌI người đều quay đôn cả về nhìn Văn-Khuê và Bạch-y-Nương. Người ta đều tấm tắc thán khen.

Được thề, Kế-quận - Công Phan-Ngạn cũng lên tiếng nói vừa đề yên lòng bạn, vừa đề phụ-họa với Trịnh-Tùng.

Khải (1) Chúa-Thượng, quả thật Mỹ-quận-Công là người sung-sướng nhất đời. Tài và đẹp như Mỹ-quận phu-nhân, khắp cả thiên hạ này thật không có lấy thêm một người nữa. Như vậy, tôi tưởng, ai được gần phu-nhân cũng phải nhận là sung-sướng nhất. Thế mà Mỹ-quận-Công lại nhường cái sung-sướng cho kẻ nông phu!

Cử-tọa cười ồ, làm cho Bạch-y-nương hơi lúng-túng, ngượng-ngượng ..

Phan-Ngạn vốn chơi thân với Văn-Khuê, nói vậy cốt để yên lòng bạn nơ, đông người và cũng để tỏ nỗi lòng mình nữa. Vì Phan-Ngạn cũng mê-mệt Bạch-y-nương. Ngạn tìm hết kế để chơi thân với Văn-Khuê: Hằng ngày thường đi lại: hoặc bàn-bạc về thể sự, binh-thu, hoặc nói chuyện phiếm... Ngạn mong ước một ngày kia, chiếm được trai tim của Bạch-y-nương. Ngạn tự-tin tài giỏi không kém gì Văn-Khuê, nhưng lại trẻ hơn, đẹp hơn, và nhiều công-trạng cho Dương-triều hơn nữa.

Là con đại-tướng Phan-công-Tích, người ở làng Sái-xá, huyện Đông-thành, Ngạn đã quen tập võ nghệ ngay từ nhỏ. Trước kia Phan-công-Tích là bậc danh tướng của Trịnh-Kiểm, đã đánh được nhiều trận,

lập nhiều công. Trịnh-Kiểm mất, Trịnh-Tùng phong Tích làm đại-tướng, đã đánh phá quân Mạc ở Lôi-dương. Sau Công-Tích bị Mạc-Kính-Điền bắt được ở Nghệ-an, Trịnh-Tùng liền giao quân-sĩ bộ ấy cho Phan-Ngạn. Ngạn lên cầm quân, cố sức báo thù Mạc, nên lập được rất nhiều chiến công, danh tiếng rất lan rộng. Đương thời ai cũng khen là một tay tướng tài trẻ nhất.

Năm Bính-thân (1595), Ngạn làm Tổng-trấn Hải-dương, đánh bắt được Tráng Vương Mạc-kính-Chương ở Thanh-hà, được đặc-phong Kế-quận công.

Từ khi gặp vợ chồng Văn Khuê ở trận đánh Mạc-kính-Chỉ tại Đông-triều, Ngạn mang nặng bên lòng nỗi mơ-tưởng Bạch-y-nương. Chàng tìm đủ dịp để gặp vợ chồng nàng. Chàng đã nhiều lần liếc mắt, mỉm cười với nàng, ra hiệu để thử nàng, nhưng lần nào, nàng cũng vẫn thản-nhiên như không. Vợ chồng nàng không nghi-ngờ chi cả, vẫn tiếp đãi chàng với một vẻ bình thườn g. Cho hay khi người ta đã rất mực yêu nhau, thì không còn ngờ gì tình ý ở ngoài nữa.

Phan-Ngạn, có lẽ cũng hiểu thế, không dám quá mạnh bạo tỏ tình đành đợi dịp khác lập mưu vậy.

Cuối năm ấy (Kỷ-hợi, 1599), vua Lê Thế-Tôn băng. Trịnh-Tùng lập con thứ vua Thế-Tôn là Duy-Tân mới mười hai tuổi lên làm vua, tức là vua Lê Kinh-lôn, ban chiếu bắt đầu sai g năm Canh-tý là niên-hiệu Thuận-đức.

Năm Canh-tý (1600), tháng giêng,

vua Kinh-Tôn làm lễ Nam-giao. Lần này là lần đầu tiên, vua Lê làm lễ Giao ở Thăng-long, trên khu đàn lập ra từ đời vua Lê Thánh-Tôn.

Lễ Nam-giao là một cuộc lễ rất trọng-đại, cầu khấn Giới, Đất, các ngôi Sao và các thần Núi, Sông, nên cần phải có một cái đàn riêng. Vua Lê Thánh-Tôn lập đàn ấy ở phía nam kinh-thành tức là vào khoảng phố Khâm-thiên bây giờ. Khu đàn rất rộng, chung quanh giồng cây bao kín. Đằng trước có ba cửa. Ngày tế, vua đi vào cửa giữa, các quan vào cửa tả, các quan võ vào cửa hữu. Ở giữa đắp một cái đàn giải mười lăm thước, cao năm tấc, đề hợp tế Giới, Đất. Bên tả, một cái đàn giải mười sáu thước, cao ba tấc, đề tế các vị Sao; bên hữu cũng một cái đàn như vậy đề tế các thần Sông, Núi. Theo lệ, cứ đến sang canh ngày đã định, vua với các quan đã chực sẵn ở trai-đường, tiến vào đàn cư hành đại-lễ. Vua mặc triều phục đứng ở đàn giữa. Hai viên quan đầu triều tế ở hai đàn bên. Nhưng lần này, Trịnh-Tùng muốn tỏ cho các quan biết, trước mặt quý thần mình cũng ngang vua, nên khi tế, cũng mặc đại triều phục, đứng lui sau vua có một thước. Cả triều không ai dám nói sao.

Tan lễ, ai về nhà ấy. Phan-Ngạn vội lại ngay dâng Bùi-văn-Khuê. Đuổi hết cách người hầu-hạ ra ngoài rồi, Phan-Ngạn hỏi Văn Khuê:

— Mỹ-quận có nhận thấy gì không? Cai nánh-dộng của Trịnh-Tùng đã tỏ rằng hắn không nhưng chiếm cả quyền mà thôi, lại còn muốn cướp hẳn ngôi vua Lê, nhưng cướp dần-dà, chứ không nông-nổi như Hồ-quý-Ly và Mạc-đang-Dang! Việc tế Giao chỉ có mỗi mình Hoang-Thượng được đứng chủ-tế, thế mà hắn đứng gần ngang bên Ngai, thế là nghĩa gì?

(1) Khải là tiếng đề thừa-thất với chúa cùng như tấu đối với vua, bầm đối với đường quan v, v.

Vậy tôi thử hỏi một câu này : Chúng ta làm tôi vua Lê hay làm tôi Trịnh Tùng ?

Văn-Khuê thông-thả đáp :

— Làm tôi vua Lê chứ !

Phan-Ngạn mạnh-bạo tiếp :

— Ờ ! Trịnh Tùng cũng như chúng ta : Công-trạng đánh dẹp cũng như nhau cả. May-mắn hơn, hay tài-giỏi hơn thì chức-tước cao hơn thôi. Còn giang sơn là giang sơn của nhà Lê. Sở dĩ khôi phục lại được đất nước này là vì lòng dân còn nhớ mến nhà Lê chứ ! Nay thiên-hạ đã bình mà Trịnh-Tùng lại có ý khác thế, chúng ta phải nghĩ thế nào nhỉ ?

Câu hỏi đột ngột quá khiến Văn-Khuê phải ngẩn người nghĩ ngợi. Phan-Ngạn đắc ý, nói tiếp :

— Cứ như ý tôi, chúng ta phải tôn Lê. Nhưng vua Kinh-Tôn còn bé. Trong Triều-đình, ngoài chúng ta và Nguyễn-Hoàng cùng Ngô-đình-Nga ra, không có ai ra trò gì cả ! Chúng ta không cùng mưu với họ

được. Điều hay hơn hết là lũ chúng ta cùng thu quân lại chiếm lấy kinh thành, giết Trịnh-Tùng đi, tranh cải triều-chính lại. Bằng không được thế, ta cũng giữ lấy một nơi hiểm yếu, tìm một kẻ giòng dõi nhà Lê làm minh chủ, truyền hịch bốn phương : kẻ rõ tội trạng của Trịnh-Tùng. Tôi chắc công việc tất mau thành, vì xem ngay tại Triều bấy giờ cũng rất ít người ưa Trịnh-Tùng.

Văn-Khuê thông thả nói :

— Việc ấy kẻ cũng nên làm. Nhưng tôi thiết tưởng đề vua Kinh-tôn lớn lên đã. Ta lấy danh nghĩa giúp thẳng vua có hay hơn không ? Việc làm quang minh chính-đại mới được nhiều người phụ-hòa. Và bây giờ vừa mới yên xong, trong nước hãy còn nơm nớp sợ chinh chiến, mình cử sự ngay e có điều bất tiện. Phan-Ngạn cười nói :

— Ông này nghĩ đến lần thân ! Ông không biết cái cơ tâm của Trịnh-Tùng : Đợi ít lâu nữa thì hai chúng ta chỉ còn xương ! Trịnh-

Tùng là một kẻ ghen hiềm, ghót tài, lại có tà tâm, nên hẳn chủ ý triệt trừ những người công cao mà không xu nịnh hẳn, phụ-hòa với hẳn. Ngay như Nguyễn - Hoàng là một người rất có nhiều công và lại là con Triết-tĩnh-Công (1), thế mà hẳn cũng cố ý ghim. Nguyễn-Hoàng về Triều tám năm nay rồi, vậy mà hẳn không cho về trọng nhậm trấn cũ Nguyễn-Hoàng làm trấn thủ Thuận-hóa, đây chứ. Ấy cái lối Trịnh Tùng vẫn vậy. Giết đi thì sợ, mà người ta về thì hẳn lại không muốn cho về. Nguyễn-Hoàng là cậu hẳn còn thế, lo là chúng ta ! Nhất là bác, hẳn lại càng để ý lắm. Bác có nhớ cái câu hẳn bảo bác ở bữa tiệc năm ngoá không ? Hẳn khen thế là có ý khác đấy. Từ bấy đến nay hẳn vẫn thăm hỏi phu-nhân luôn. Tôi chắc bác cũng thừa hiểu.

(1) Nguyễn - Kim được phong Huân phụ Triết-tĩnh-công.

CHU THIÊN

(còn nữa)

THOẢI-NHIỆT-TÂN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sưng đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoải Nhiệt-Tân hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đổ vào cửa mình là khỏi rút. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giới. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rút nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rút nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bò. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biểu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Quân tử lúc cũng thêm thẹn mặt,
Anh hùng khi cũng khoanh tay.



Các bạn chắc đã thừa biết ý nghĩa
2 câu thơ trên này là thế nào rồi!
Nhưng lúc này liệu có dễ kiếm tiền
chăng?

Có dễ chăng?

Chỉ bỏ 1p. ra mua 1 vé

SỎ ĐÔNG PHÁP

May ra trúng hàng vạn chưa biết chừng!



CÁC BẠN THỬ MUA XEM!